ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN VĂN NINH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH – NGUYỄN MẠNH HƯỞNG – VŨ ĐỨC LIÊM

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
Lịch sử
11

BẢN MẪU

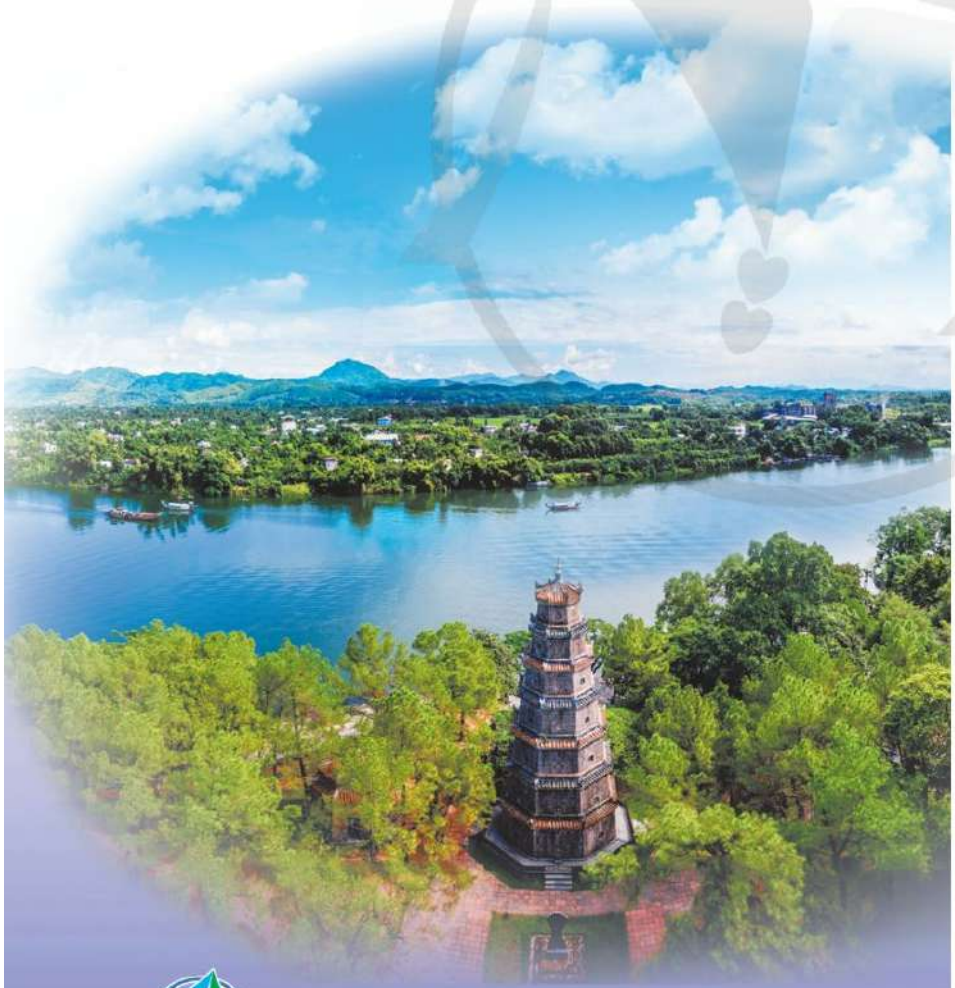

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA
Môn: Lịch sử – Lớp 11

(Kèm theo Quyết định số 2026/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Họ và tên	Chức vụ Hội đồng
Ông Đỗ Hồng Thái	Chủ tịch
Bà Mai Phương Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Trường	Uỷ viên, Thư kí
Ông Phạm Xuân Vũ	Uỷ viên
Ông Trương Trung Phương	Uỷ viên
Ông Nguyễn Trung Hậu	Uỷ viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Uỷ viên
Ông Trần Hữu Hòa	Uỷ viên
Bà Lương Thị Hằng	Uỷ viên

ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN VĂN NINH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH – NGUYỄN MẠNH HƯỞNG – VŨ ĐỨC LIÊM

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
Lịch sử 11

BẢN MẪU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Yêu cầu cần đạt	Xác định yêu cầu cần đạt theo Chương trình giáo dục phổ thông.
Mở đầu	Xác định nhiệm vụ học tập của bài học, tạo hứng thú cho học sinh.
Kiến thức mới	Nội dung bài học (kênh chữ, kênh hình) thông qua hệ thống câu hỏi giúp học sinh khám phá, hình thành kiến thức mới.
Tư liệu	Cung cấp thêm thông tin cho bài học từ các nguồn tư liệu lịch sử.
Câu hỏi	Xác định kiến thức cơ bản của bài học, đáp ứng yêu cầu cần đạt.
Em có biết?	Cung cấp thêm thông tin nội dung cơ bản của bài học, hướng đến phát triển năng lực tự học của học sinh.
Góc khám phá	Bổ sung tri thức lịch sử liên quan đến nội dung cơ bản của bài học.
Góc mở rộng	Mở rộng và nâng cao kiến thức của bài học.
Luyện tập	Câu hỏi, bài tập giúp học sinh củng cố, hệ thống hoá, khắc sâu kiến thức của bài học.
Vận dụng	Bài tập giúp học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng vào học tập và cuộc sống.

Bảng Giải thích thuật ngữ: Giải thích các khái niệm, thuật ngữ mới và khó xuất hiện trong sách.

Bảng Tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: Giúp học sinh tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài.

Em hãy giữ gìn cuốn sách sạch đẹp, không viết, vẽ vào sách nhé!

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Ở cấp Trung học phổ thông, Lịch sử là môn học bắt buộc đối với tất cả học sinh, được trình bày thông qua các chủ đề. Bên cạnh đó còn có phần chuyên đề, dành cho học sinh có định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Phương pháp dạy học môn Lịch sử được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của Sử học và phương pháp dạy học hiện đại. Hoạt động kiểm tra, đánh giá học sinh dựa trên căn cứ là những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình môn học. Cấu trúc kiến thức, kĩ năng môn Lịch sử tạo cơ hội cho học sinh kết nối, liên thông với kiến thức, kĩ năng các môn học khác như Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục quốc phòng và an ninh,...

Sách giáo khoa *Chuyên đề học tập Lịch sử 11* thuộc bộ sách *Cánh Diều* sẽ hướng các em tìm hiểu sâu hơn về các chuyên đề: Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam; Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX; Danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

Trong sách có các mục *Em có biết?*, *Góc khám phá* hay *Góc mở rộng* nhằm hỗ trợ các em tìm hiểu rộng hơn, sâu hơn, cũng như gợi mở khám phá những điều mới lạ. Hệ thống lược đồ, bảng biểu và hình ảnh là nguồn thông tin hỗ trợ tích cực cho các em khi học lịch sử. Cuối sách còn có *Bảng Giải thích thuật ngữ*, *Bảng Tra cứu địa danh/tên riêng nước ngoài* nhằm giúp các em hiểu được nghĩa của các thuật ngữ mới và khó xuất hiện trong sách.

Các tác giả hi vọng cuốn sách sẽ là người bạn thân thiết của các em trong quá trình học tập. Chúc các em có những bài học lịch sử hào hứng, hiệu quả!

CÁC TÁC GIẢ

CHUYÊN ĐỀ 1 LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

- ✓ *Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...*
- ✓ *Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...*
- ✓ *Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...*
- ✓ *Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc; Nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.*
- ✓ *Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...; Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.*
- ✓ *Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...; Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.*

Tượng La Hán là một chủ đề quen thuộc trong điêu khắc truyền thống Việt Nam. Hình 1 là những bức tượng La Hán được điêu khắc bằng chất liệu gỗ vào khoảng thế kỉ XVII – XVIII tại chùa Tây Phương (huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) – một công trình kiến trúc, điêu khắc nổi bật trong lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam. Đây cũng là nguồn cảm hứng để nhà thơ Huy Cận viết bài thơ nổi tiếng *Các vị La Hán chùa Tây Phương* năm 1960.

Vậy nghệ thuật truyền thống Việt Nam được phát triển và đạt những thành tựu như thế nào qua các thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê trung hưng và Nguyễn?

Hình 1. Tượng La Hán ở chùa Tây Phương (Hà Nội)

I. Nghệ thuật thời Lý – Trần

1. Nghệ thuật thời Lý

a) Kiến trúc

• Kiến trúc cung đình

Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (nay thuộc Ninh Bình) ra Đại La và đổi tên là Thăng Long (Hà Nội). Từ đây, Kinh thành Thăng Long phát triển nhanh chóng trên quy mô lớn. Hoàng thành Thăng Long được xây dựng gồm nhiều cung điện, tiêu biểu nhất là điện Càn Nguyên.

> *"... Phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi chầu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu dựng điện Giảng Võ. Lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghinh Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn, hướng chính nam dựng điện Cao Minh, thềm gọi là thềm rồng, trong thềm rồng có hành lang dẫn ra xung quanh bốn phía. [...] Dựng kho tàng, đắp thành, đào hào. Bốn mặt thành mở bốn cửa: phía đông gọi là cửa Tường Phù, phía tây gọi là cửa Quảng Phúc, phía nam gọi là cửa Đại Hưng, phía bắc gọi là cửa Diệu Đức. Lại ở trong thành làm Hưng Thiên Ngự Tự và Ngũ Phượng Tinh Lâu".*
>
> (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, tr.241)

Hình 2. Kiến trúc cung điện Càn Nguyên thời Lý
(hình ảnh phục dựng của Viện Nghiên cứu Kinh thành)

Hình 3. Dấu tích kiến trúc thời Lý tại Hoàng thành Thăng Long

Kết quả khai quật Hoàng thành Thăng Long từ năm 2002 đã cho thấy những dấu tích của nghệ thuật kiến trúc thời Lý. Đó là những công trình phong phú về loại hình, quy mô rộng lớn, trang trí tinh xảo, kết hợp hài hoà giữa các chất liệu gỗ, đá, gạch, đất nung; quy hoạch thống nhất và cân xứng.

• Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian

Dưới thời Lý, hệ thống chùa, tháp được xây dựng ở nhiều nơi, trong đó có nhiều công trình quy mô lớn. Bên cạnh đó là hệ thống đền, miếu thờ phụng thần linh, anh hùng, người có công với làng, với nước,...

Bảng 1. Một số công trình kiến trúc chùa, tháp, đền, miếu tiêu biểu thời Lý

Loại hình	Công trình tiêu biểu
Chùa	Chùa Phật Tích, chùa Dạm, chùa Đọi Sơn (chùa Long Đọi Sơn), chùa Diên Hựu (chùa Một Cột),...
Tháp	Tháp Báo Thiên, tháp Chiêu Ân, tháp Phật Tích, tháp Sùng Thiện Diên Linh,...
Đền, miếu	Đền Đồng Cổ, đền Bà Chúa Kho, Văn Miếu,...

Các công trình chùa, tháp, đền, miếu thời Lý được xây dựng hài hoà với cảnh quan xung quanh, tạo ra sự hoà hợp lâu dài giữa con người với công trình và thiên nhiên.

Hình 4. Chùa Một Cột (Hà Nội)

Dựa vào thông tin mục a:

– Nêu những nét cơ bản của nghệ thuật kiến trúc thời Lý và rút ra nhận xét.

– Mô tả một công trình kiến trúc thời Lý mà em ấn tượng nhất.

b) Điêu khắc

Dưới thời Lý, nghệ thuật điêu khắc phát triển khá phong phú, đa dạng, tiêu biểu là hình tượng rồng bằng đá, tượng bằng đồng, gỗ, đá, đất nung,...

Hình tượng rồng thời Lý chịu ảnh hưởng của Phật giáo với đặc điểm nổi bật là thân hình tròn, da trơn, nhỏ dần về phần đuôi. Thân rồng thường có từ 11 đến 13 khúc, uốn lượn mềm mại, thanh thoát, nhẹ nhàng và có tư thế như đang bay.

Hình 5. Hình tượng rồng thời Lý trên đất nung

Hình 6. Lá đề bằng đất nung chạm hình rồng thời Lý

Nghệ thuật đúc đồng thời Lý rất phát triển. Trong bốn tác phẩm nghệ thuật bằng đồng nổi tiếng được xem là "An Nam tứ đại khí" có ba tác phẩm được tạo ra vào thời Lý là đỉnh tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, tượng Phật Di Lặc chùa Quỳnh Lâm (thời Trần có vạc Phổ Minh).

Tháp Báo Thiên còn gọi là Đại Thắng Tư Thiên Bảo Tháp, được xây trên một gò cạnh hồ Lục Thuỷ (hồ Hoàn Kiếm) vào năm 1057 thời vua Lý Thánh Tông, trong khuôn viên chùa Báo Thiên. Tháp cao 12 tầng, đỉnh tháp làm bằng đồng. Chuông Quy Điền (tại chùa Một Cột) đúc năm 1080 thời vua Lý Nhân Tông. Tượng Phật Di Lặc chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều, Quảng Ninh) do nhà sư Nguyễn Minh Không đúc, cao khoảng 20 m.

Thành tựu kiến trúc và điêu khắc thời Lý là sự kết hợp giữa các yếu tố: điều kiện tự nhiên, xã hội với tôn giáo đương thời; là sự kế thừa nghệ thuật truyền thống của người Việt và sự tiếp thu những yếu tố văn hoá bên ngoài (Ấn Độ, Trung Hoa,...).

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6:
– Nêu những nét cơ bản của nghệ thuật điêu khắc thời Lý và rút ra nhận xét.
– Mô tả một tác phẩm điêu khắc thời Lý mà em ấn tượng nhất.

2. Nghệ thuật thời Trần

a) Kiến trúc

• Kiến trúc cung đình

Dưới thời Trần, ngoài hệ thống cung điện tại Kinh thành Thăng Long còn có các cung điện ở Tức Mặc (Nam Định).

Năm 1237, vua Trần Thái Tông cho dời điện Linh Quang về bến Đông Bộ Đầu và đổi tên thành điện Phong Thuỷ, xây dựng thành cụm kiến trúc tráng lệ. Bên cạnh đó, nhà Trần còn cho xây thêm hành cung làm nơi ở và làm việc của nhà vua khi ra ngoài kinh thành (thuộc Gia Lâm, Hà Nội ngày nay).

Năm 1253, vua Trần Thái Tông cho xây dựng Giảng Võ đường làm nơi rèn luyện võ nghệ cho các vương hầu, tôn thất.

Năm 1262, Thượng hoàng Trần Thái Tông đổi hương Tức Mặc thành phủ Thiên Trường, xây dựng cung Trùng Quang để làm nơi ở của các Thái thượng hoàng, sau khi nhường ngôi cho con, xây cung Trùng Hoa làm nơi để vua Trần ngự thiện khi về chầu. Bên cạnh đó, nhà Trần còn lập các cung Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ, xung quanh các phủ đệ dành cho các vương phi, quan lại.

Hành cung Thiên Trường với hệ thống kiến trúc nguy nga, tráng lệ có giá trị đặc biệt trong số các trung tâm chính trị, văn hoá Đại Việt thời Trần.

Trải qua những biến cố, thăng trầm của lịch sử, hầu hết các dấu tích kiến trúc cung điện, lầu gác của hành cung Tức Mặc – Thiên Trường xưa đã không còn. Dấu tích chùa Phổ Minh còn lại đến ngày nay là sự hiện hữu hiếm hoi, minh chứng cho vị trí tồn tại và vai trò lịch sử của hành cung Tức Mặc – Thiên Trường.

Hình 7. Tháp Phổ Minh trong khuôn viên chùa Phổ Minh tại phủ Thiên Trường (Nam Định)

• ***Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian***

Dưới thời Trần, nhiều đền, chùa, lăng mộ,... tiếp tục được xây dựng. Tiêu biểu là đền An Sinh và lăng mộ các vua Trần (Đông Triều, Quảng Ninh), Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử (Uông Bí, Quảng Ninh), chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Nội),...

Hình 8. Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử (Quảng Ninh)

Hình 9. Chùa Đồng (Quảng Ninh)

Chùa Bối Khê được xây dựng vào khoảng năm 1338 dưới thời vua Trần Hiến Tông. Chùa thờ Phật ở phía trước. Phía sau thờ Đức Thánh Bối – tức tướng quân Nguyễn Bình An, là người địa phương đã có công đánh bại quân xâm lược phương Bắc. Đây là ngôi chùa đến nay còn lưu lại những dấu vết kiến trúc gỗ nguyên bản thời Trần đồng thời mang nhiều giá trị nổi bật thể hiện quá trình phát triển của Phật giáo ở đồng bằng Bắc Bộ.

Đến nay, chùa Bối Khê vẫn còn lưu giữ được những cổ vật quý giá như tượng Phật Bà nghìn mắt nghìn tay, 11 bia đá có từ thời Hậu Trần, 2 quả chuông được đúc bằng đồng và 22 đạo sắc từ thời Lý đến thời Nguyễn, một quần thể tượng Cửu Long với 9 pho tượng được đặt trên 9 bệ rồng.

Hình 10. Chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Nội)

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 7 đến 10:
– Nêu những thành tựu chính về kiến trúc thời Trần và rút ra nhận xét.
– Mô tả một công trình kiến trúc thời Trần mà em ấn tượng nhất.

b) Điêu khắc

Điêu khắc thời Trần khá phát triển, biểu hiện qua hình tượng rồng và những tác phẩm chạm khắc trên đá, đồng, gỗ như tượng hổ đá tại lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình), vạc Phổ Minh, bộ cánh cửa chùa Phổ Minh (Nam Định),...

Hình tượng rồng thời Trần có thân hình mập mạp, uốn khúc mạnh mẽ hơn rồng thời Lý. Hình tượng rồng chủ yếu được chạm nổi trên bia, bệ đá,... Nhiều cặp tượng rồng đặt trước bậc cửa ở một số chùa và cung điện. Những cặp tượng rồng này là tác phẩm tạo hình tiêu biểu thời Trần.

Hình 11. Hình tượng rồng thời Trần

Hình 12. Tượng hổ đá ở lăng Trần Thủ Độ
(trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội)

Tượng hổ đá ở lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình) có kích thước gần như thật (dài 1,43 m), thân hình thon, bắp vế căng tròn với dáng nằm xoải chân, chân thu về phía trước, đầu ngẩng cao. Tượng hổ tạo khối đơn giản, được sắp xếp một cách chặt chẽ, vững chãi. Đây là một tác phẩm nổi bật của nghệ thuật điêu khắc cổ Việt Nam.

Vạc Phổ Minh được đúc bằng đồng vào năm Nhâm Tuất (1262) đời vua Trần Thánh Tông. Vạc nặng 6 150 kg, miệng vạc dày và rộng. Thân vạc khắc hình rồng uốn lượn, trên là chim lạc tung bay, dưới là phong cảnh núi sông.

Tháng 10 năm Bính Ngọ (1426), Vương Thông khi sang xâm lược Đại Việt đã cho phá vạc Phổ Minh và chuông Quy Điền để lấy đồng đúc vũ khí. Hiện nay, tại chùa Phổ Minh chỉ còn lại bệ đá kê vạc khi xưa.

Dấu ấn nghệ thuật điêu khắc thời Trần còn thể hiện qua tượng trâu, ngựa ở lăng vua Trần Hiến Tông, một số hương án đá ở chùa Đậu, chùa Thầy, chùa Ngọc Đình, chùa Bối Khê (Hà Nội); chùa Dầu (Ninh Bình); chùa Thanh Lũng (Phú Thọ),... Bên cạnh đó còn có một số phù điêu khắc hình nhạc công biểu diễn mang phong cách Chăm-pa.

Nghệ thuật điêu khắc thời Trần là sự nối tiếp của nghệ thuật điêu khắc từ thời Lý nhưng cách tạo hình hiện thực khoáng đạt, khoẻ khoắn hơn và thể hiện khá rõ tinh thần thượng võ cùng dấu ấn vương quyền.

Dựa vào thông tin và quan sát hình ảnh trong mục b:
– Nêu những thành tựu chính về điêu khắc thời Trần và rút ra nhận xét.
– Mô tả một tác phẩm điêu khắc thời Trần mà em ấn tượng nhất.

II. Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc

1. Nghệ thuật thời Lê sơ

a) Kiến trúc

• Kiến trúc cung đình

Dưới thời Lê sơ, đặc biệt là thời vua Lê Thánh Tông, Kinh thành Thăng Long và hệ thống cung điện được trùng tu, xây mới trên quy mô lớn. Trong số các cung điện được xây dựng thời Lê sơ, điện Kính Thiên là công trình nổi bật.

Hình 13. Điện Kính Thiên thời Lê sơ
(hình ảnh phục dựng của Viện Nghiên cứu Kinh thành)

"Đắp thành rộng to mấy nghìn trượng, bao vây cả điện Tường Quang, quán Trấn Vũ, chùa Thiên Hoa ở phường Kim Cổ, từ phía đông tới phía bắc, chắn ngang sông Tô Lịch, trên đắp Hoàng thành, dưới làm cửa cống, lấy ngói vỡ và đất đá nện xuống, lấy đá phiến và gạch vuông xây, lấy sắt xâu ngang".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 3, NXB Khoa học xã hội, tr.74)

Bên cạnh các cung điện ở Hoàng thành Thăng Long được xây dựng, trùng tu, khu Văn Miếu, nhà Thái học và công đường của các cơ quan triều đình cũng được tu bổ, mở rộng thêm.

Đồ gốm thời Lê sơ có hình vẽ về kiến trúc đấu củng (được cấu tạo từ một bộ khối gỗ (đấu) và các tay xà ngắn (củng) được cắt gọt sao cho khi chồng lên, chúng sẽ đan cài vào nhau với nhiều tầng mái). Các cuộc khai quật khảo cổ học xung quanh khu vực điện Kính Thiên cũng đã tìm thấy khá nhiều cột, xà, ván sàn,... trong số đó có một số nằm trong kết cấu của hệ đấu củng.

Hình 14. Gốm men xanh lục mô tả kết cấu đấu củng thời Lê sơ, khai quật được tại khu vực điện Kính Thiên năm 2021

Ngoài Hoàng thành Thăng Long, thời Lê sơ còn có quần thể kiến trúc Lam Kinh được xây dựng từ năm 1433. Khu quần thể kiến trúc Lam Kinh bao gồm các cung điện (điện Quang Đức, điện Sùng Hiếu, điện Diễn Khánh,...), miếu và lăng mộ của các vua Lê.

"Điện Lam Kinh đằng sau gối vào núi, trước mặt trông ra sông, bốn bên nước non xanh biếc, rừng rậm um tùm. Vĩnh Lăng của Lê Thái Tổ, Hựu Lăng của Lê Thái Tông và lăng của các Lê gia đều ở đây cả. Lăng nào cũng có bia. Sau điện lấy Tây Hồ làm "não", giống như hồ Kim Ngưu. Hồ rất rộng, nước từ các ngả đều chảy vào đó,... Nền điện rất cao, hai bên cánh mở rộng, dưới sân điện có làn nước phẳng, giống như trước điện nhà vua coi chầu. Ngoài cửa nghi môn có hai con chó ngao bằng đá,...".

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Sử học, tr.10)

• ***Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian***

Dưới thời Lê sơ, việc xây chùa mới bị hạn chế. Nhiều chùa được trùng tu như chùa Minh Độ (Hải Dương), chùa Thiên Phúc (Hà Nội), chùa Kim Liên (Hà Nội), chùa Thuý Lai (Hà Nội), tháp chùa Hoa Yên (Hà Nội), chùa Đại Bi (Bắc Ninh),...

"... Các công trình kiến trúc chùa, tháp cũng được các vua triều Lê sơ ở thế kỉ XV quan tâm cho tu sửa, tôn tạo, trong đó việc trùng tu chùa Báo Thiên đã trở thành một sự kiện đáng chú ý. Chùa Báo Thiên vốn được xây dựng từ triều Lý, Trần nhưng đã bị quân Minh phá huỷ nặng nề. Năm 1434, vua Lê Thái Tông cho làm lại chùa Báo Thiên".

(Tạ Ngọc Liễn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 3: *Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVI*, NXB Khoa học xã hội, tr.355)

Lăng mộ thời Lê sơ cũng là những công trình nghệ thuật đặc sắc. Các lăng mộ của vua, hoàng hậu, công chúa, hoàng tử nhìn chung có quy mô nhỏ. Điển hình là lăng mộ vua Lê Thái Tổ.

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình 13, 14:
– Nêu những thành tựu chính về kiến trúc thời Lê sơ và rút ra nhận xét.
– Mô tả một công trình kiến trúc thời Lê sơ mà em ấn tượng nhất.

b) Điêu khắc

Điêu khắc thời Lê sơ phát triển thể hiện qua hình tượng rồng, tượng quan hầu, tượng thú, bia Vĩnh Lăng, bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội),...

Hình tượng rồng thời Lê sơ thể hiện sự dữ tợn, khoẻ khoắn, trở thành biểu tượng cho sức mạnh, uy quyền của vua. Những đường nét mềm mại, cân đối của hình tượng rồng thời Lý, Trần được thay bằng những đường nét sắc, nhọn, mạnh mẽ.

Tác phẩm điêu khắc được coi là đẹp nhất, tiêu biểu nhất cho nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ là hình tượng rồng ở hai bên thềm bậc điện Kính Thiên ở Đông Kinh, được tạc năm 1467 dưới thời vua Lê Thánh Tông. Hai con rồng được đục chạm công phu, điêu luyện, thân dài uốn khúc, chắc khoẻ, đầu ngẩng cao, mắt to, sừng dài, bờm hất ra sau, rồng có thế đang bò từ trên điện xuống một cách vững chãi, uy nghiêm.

Hình 15. Đôi rồng đá ở điện Kính Thiên

Hình 16. Bia tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

Bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám là tác phẩm điêu khắc thời Lê sơ còn nguyên vẹn về hình dáng đến ngày nay. Bia khắc tên những người đỗ tiến sĩ các khoa thi Đình thời Lê sơ, thời Mạc và thời Lê trung hưng trong thời gian từ năm 1442 đến năm 1779.

Chạm khắc gỗ ở các đình làng miêu tả cảnh sinh hoạt của nhân dân như đấu vật, đánh cờ, chèo thuyền,... Các dòng tranh khắc gỗ như Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội) ra đời thời kì này đã tạo ra những bức tranh dân gian đặc sắc, trở thành tài sản quý giá trong kho tàng nghệ thuật Việt Nam.

Nghệ thuật trang trí dưới triều Lê sơ đạt tới đỉnh cao ở giai đoạn nửa sau thế kỉ XV, đầu thế kỉ XVI, được thể hiện rõ trên đồ gốm sản xuất tại vùng Chu Đậu (Hải Dương). Gốm Chu Đậu có nhiều loại hình như bình, chum, vò, đĩa, bát,... phủ men trắng ngà, vẽ chàm hoặc màu bằng bút lông. Hoa văn trang trí phong phú với hình người, rồng, chim, cá, hoa cỏ,...

Hình 17. Bình gốm Chu Đậu

Hình 18. Đĩa gốm Chu Đậu

Nghệ thuật thời Lê sơ kế thừa những tinh hoa của nghệ thuật thời Lý, Trần đồng thời có những bước tiến mới cả về nội dung và hình thức thể hiện.

Dựa vào thông tin và các hình ảnh trong mục b:
– Nêu những thành tựu chính về điêu khắc thời Lê sơ và rút ra nhận xét.
– Mô tả một tác phẩm điêu khắc thời Lê sơ mà em ấn tượng nhất.

2. Nghệ thuật thời Mạc

a) Kiến trúc

• ***Kiến trúc cung đình***

Tại Thăng Long, nhà Mạc tiếp quản gần như toàn bộ các công trình cung điện của nhà Lê sơ để lại, không xây dựng thêm và cũng ít tu bổ. Các vua nhà Mạc xây dựng nhiều cung điện ở Dương Kinh (thuộc Hải Phòng ngày nay).

Hình 19. Nhà tưởng niệm các vua nhà Mạc ở Dương Kinh (Hải Phòng)

"Sau khi lên ngôi, Mạc Đăng Dung cho xây dựng nhiều cung điện ở Dương Kinh như điện Phúc Huy (nơi Mạc Đăng Dung ở), điện Hưng Quốc, đồng thời cho dựng điện Sùng Đức ngay trên nền nhà cũ của Mạc Đĩnh Chi ở Lũng Động, đắp một gò lớn tại bờ sông, ở phía bắc mặt trước điện Sùng Đức, các quan triều Mạc ai đi qua đây đều lễ vọng vào".

(Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, NXB Khoa học xã hội, tr.165)

• ***Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian***

Trong tổng số 195 công trình thời Mạc còn lại đến ngày nay, có 142 công trình kiến trúc là chùa, chủ yếu là tôn tạo. Tiêu biểu trong các công trình thời kì này là chùa Bà Tấm (Hà Nội), chùa Cập Nhất ở Thanh Hà (Hải Dương) chùa Bối Khê ở Thanh Oai (Hà Nội), chùa Trăm Gian ở Chương Mỹ (Hà Nội), chùa Phổ Minh ở Mỹ Lộc (Nam Định),...

Hình 20. Chùa Trăm Gian (Hà Nội)

Dưới thời Mạc, đình làng trở nên phổ biến. Đình làng là nơi sinh hoạt chung của cộng đồng làng xã.

Hai ngôi đình nổi tiếng nhất thời Mạc là đình Lỗ Hạnh ở làng Đông Lỗ (Hiệp Hoà, Bắc Giang) xây dựng năm 1576 và đình Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội) xây dựng năm 1583. Ngoài ra còn có đình Thanh Lũng (Ba Vì, Hà Nội), đình Thuỵ Phiêu (Ba Vì, Hà Nội), đình La Phù (Thường Tín, Hà Nội),...

Hình 21. Đình Tây Đằng (Hà Nội)

Hình 22. Hoa văn trên mái đình Tây Đằng (Hà Nội)

Dưới thời Mạc, với chính sách tôn giáo, tín ngưỡng khá cởi mở của triều đình, các đạo quán có điều kiện sửa sang, tu bổ. Ba đạo quán có dấu tích từ thời Mạc còn đến nay là quán Hưng Thánh, quán Hội Linh và quán Linh Tiên (Hà Nội). Ngoài ra còn có một số công trình đạo quán khác được trùng tu thời kì này như quán Thuỵ Ứng, quán Đế Thích, quán Chân Thánh (Hưng Yên); quán Viên Dương (Hà Nội); quán Tiên Phúc (Hải Dương),...

Thuộc loại hình kiến trúc thờ cúng nên bố cục và kiến trúc của các đạo quán thời Mạc cũng tương tự bố cục và kiến trúc của chùa cùng thời. Điểm khác cơ bản là việc bài trí các tượng thờ cũng như ý nghĩa và nội dung của các pho tượng. Tượng thờ trong các đạo quán gồm một hệ thống hoàn chỉnh, trước hết là tượng Tam thanh, Tứ ngự và Ngũ lão quân.

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình từ 19 đến 22:
– Liệt kê những thành tựu chính về kiến trúc thời Mạc và rút ra nhận xét.
– Mô tả một công trình kiến trúc thời Mạc mà em ấn tượng nhất.
– Nêu những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.

b) Điêu khắc

Nghệ thuật điêu khắc thời Mạc thể hiện rõ nét qua việc tạc tượng (tiêu biểu là tượng Phật), hình tượng rồng,... Hoạt động tạc tượng thời Mạc khá phát triển với chất liệu và loại hình khá phong phú, tiêu biểu là các tượng được tạc từ gỗ mít và gỗ vàng tâm.

Bảng 2. Một số loại tượng thời Mạc

Loại tượng	Địa điểm	Đặc điểm
Tượng Tam thế	Chùa Nành, chùa Lệ Mật, chùa Thầy (Hà Nội),...	Theo quan niệm của Phật giáo, Tam thế bao gồm quá khứ, hiện tại, tương lai. Tượng Tam thế có kích thước xấp xỉ với người thật.
Tượng Quan Âm	Chùa Đông Ngộ (Hải Dương); chùa Thượng Chủng (Vĩnh Phúc); chùa Đa Tốn (Hà Nội); chùa Hội Hạ (Vĩnh Phúc); chùa Bối Khê (Hà Nội); chùa Tam Giáo; chùa Khôi Khê (Thái Bình),...	Hình đặc trưng của tượng Quan Âm là nghìn mắt nghìn tay, tượng trưng cho pháp thuật vô biên, khả năng cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh. Tượng Quan Âm có kích thước xấp xỉ với người thật.
Tượng chân dung	Chùa Thầy, chùa Ngọ (Hà Nội); chùa Trà Phương (Hải Phòng); chùa Phổ Minh (Nam Định),...	Các tượng chân dung có hình dáng tương tự người thật, tiêu biểu như tượng Mạc Thái Tổ ở chùa Trà Phương (Hải Phòng).

Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay tại chùa Đa Tốn (Gia Lâm, Hà Nội) được tạc ở tư thế ngồi xếp bằng, cao 1,32 m, tính cả bệ cao 2,55 m. Những cánh tay tạo thành vòng sáng rộng 1,55 m. Tượng ngồi trong thế "tham thiền nhập định" nhưng lại toát ra cái "động"của nội tâm qua những cánh tay chính hướng ra xung quanh với nhiều động tác khác nhau.

Hình 23. Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay tại chùa Đa Tốn (Hà Nội)

Tượng thời Mạc kế thừa nhiều nét từ tượng thời Lý với những khuôn mặt hiền hoà, vai nở, bụng thon nhỏ.

Hình tượng rồng thời Mạc khá đa dạng nhưng có điểm chung là thân dài uốn khúc, chân ngắn thường chạm 4 móng, đầu có sừng 2 chạc, 2 mắt lồi, mũi sư tử, mồm thú nhô ra phía trước,... Hình tượng rồng còn được thể hiện trên chạm khắc gỗ ở chùa, đình làng hoặc trên đồ gốm.

Các chủ đề phổ biến khác của điêu khắc thời Mạc là cảnh sinh hoạt của nhân dân như cảnh săn bắn, đấu hổ, cảnh lao động (người phụ nữ gánh nước, người đẽo cày,...) khắc hình thiên nhiên như thú vật (hươu, nai, lân, hổ, voi,...), hoa lá, sông nước, mây trời và hình tượng rồng, phượng.

Nghệ thuật thời Mạc chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nghệ thuật thời Lý, Trần và có một số đặc điểm kế thừa nghệ thuật thời Lê sơ. Phong cách chung là thể hiện xu hướng tả thực, gần gũi với cuộc sống đời thường. Bố cục cũng phóng khoáng và tự nhiên hơn trước.

Dựa vào nội dung mục b:

– Nêu những thành tựu chính về điêu khắc thời Mạc và rút ra nhận xét.

– Mô tả một tác phẩm điêu khắc thời Mạc mà em ấn tượng nhất.

Hình 24. Hình tượng rồng thời Mạc trên chân đèn

III. Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn

1. Nghệ thuật thời Lê trung hưng

a) Kiến trúc

• ***Kiến trúc cung đình***

Sau khi giành lại Kinh thành Thăng Long từ nhà Mạc (1592), các chúa Trịnh bắt đầu cho xây dựng vương phủ ở phía nam hồ Tả Vọng (hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội ngày nay). Cùng với hệ thống cung điện của vua Lê, phủ chúa Trịnh dần trở thành một quần thể kiến trúc đồ sộ, bao gồm 52 cung, phủ, điện, đài, vườn ngự uyển,...

Các chúa Trịnh còn cho xây dựng nhiều cung điện bên ngoài phủ. Quanh phủ chúa là tường thành bao bọc và cổng thành kiên cố. Phía trên các cổng thành đều có vọng gác, lợp mái cho quân lính đứng canh gác.

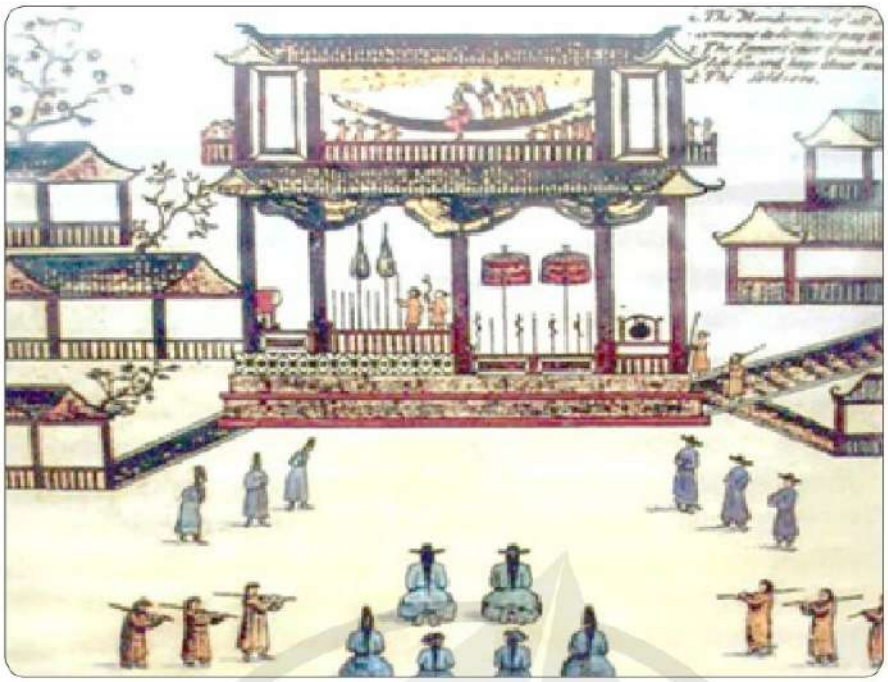

Hình 25. Một góc sân chầu ở phủ chúa Trịnh (tranh vẽ, thế kỉ XVII)

Phủ chúa Trịnh được xây dựng trong khoảng hơn một thế kỉ (1592 – 1749) bằng các vật liệu sẵn có như gạch, ngói và các loại gỗ quý. Xung quanh phủ và ven các hồ lân cận, chúa Trịnh cho xây dựng nhiều nguyệt đài, nhà thuỷ tạ như đình Tả Vọng trên Gò Rùa (nền Tháp Rùa ngày nay), cung Khánh Thuỵ, lập trại thuỷ binh trên hồ (nên hồ Hoàn Kiếm thời bấy giờ còn được gọi là hồ Thuỷ Quân),...

Ở Đàng Trong, chính quyền chúa Nguyễn cũng từng bước cho xây dựng kinh đô ở Phú Xuân (Huế). Trong hơn 200 năm kể từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá (1558) đến khi Nguyễn Phúc Thuần phải rời bỏ Phú Xuân (1774), thủ phủ chúa Nguyễn trải qua 8 lần thay đổi vị trí. Sau mỗi lần di chuyển, quy mô xây dựng lại lớn hơn, gồm có thành trì, cung điện, dinh thự, nhà thờ tổ,...

Kiến trúc cung đình thời Lê trung hưng về cơ bản vẫn tiếp nối thời Lê sơ và thời Mạc, nhưng được xây dựng với quy mô lớn hơn, lộng lẫy hơn.

• ***Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian***

Kiến trúc tôn giáo có bước phát triển mạnh, gắn liền với sự phục hồi của Phật giáo. Ở Đàng Ngoài, nhiều chùa, tháp được xây dựng mới hoặc được trùng tu, mở rộng hơn trước như chùa Keo (Thái Bình); chùa Bút Tháp (Bắc Ninh); chùa Tây Phương (Hà Nội),... Ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn rất sùng Phật giáo, đã ủng hộ và cho xây dựng nhiều ngôi chùa mới, đặc biệt là ở Phú Xuân và vùng lân cận, như chùa Thiên Mụ, chùa Từ Đàm, chùa Báo Quốc,... Ngoài ra còn có chùa Tam Thai (Đà Nẵng), chùa Long Thiền (Đồng Nai), chùa Dơi (Sóc Trăng),...

Kiến trúc chùa mới và chùa được trùng tu có kiểu dáng khá đa dạng như chùa xây có nhiều toà tháp thẳng đứng, chùa dựng bằng gỗ có nhiều gian, có mái uốn cong ở các góc và lợp ngói mũi hài,... Địa điểm xây dựng chùa, tháp thường là những nơi yên tĩnh, phong cảnh đẹp, gần núi, sông.

Hình 26. Quang cảnh chùa Thiên Mụ (Huế)

Hình 27. Đình làng Chu Quyến (Hà Nội)

Kiến trúc tín ngưỡng dân gian có nhiều loại hình, tiêu biểu là đình làng. Ở Đàng Ngoài, trong các thế kỉ XVII – XVIII, gần như làng xã nào cũng có đình làng, tiêu biểu là đình làng Chu Quyến (Hà Nội), đình làng Thổ Tang (Vĩnh Phúc), đình làng Thạch Lỗi (Hưng Yên), đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh),... Ở Đàng Trong, đình làng cũng dần xuất hiện, gắn liền với quá trình khai phá các vùng đất lập làng xóm mới.

Khai thác thông tin và các hình ảnh trong mục a:
– Nêu những nét cơ bản về nghệ thuật kiến trúc thời Lê trung hưng.
– Mô tả một công trình kiến trúc nổi bật thời Lê trung hưng và rút ra nhận xét.

b) Điêu khắc

Điêu khắc cung đình gắn với quá trình xây dựng và trang trí cung vua, phủ chúa, xây dựng lăng mộ,... Năm 1644, chúa Trịnh Doanh cho xây lầu Ngũ Long có hình 5 con rồng, dát bằng mảnh sứ, có đá cẩm thạch quấn quanh. Khi các vua chúa qua đời, chính quyền Đàng Ngoài và Đàng Trong đều quan tâm đến việc xây dựng lăng mộ, dựng bia đá khắc ghi công lao, chạm khắc rùa đá và đúc tượng để thờ,... Tuy nhiên, hình tượng rồng – biểu tượng cho uy quyền của nhà vua đã mờ nhạt, ít được sử dụng trong nghệ thuật điêu khắc thời kì này.

Điêu khắc dân gian phát triển đa dạng hơn so với điêu khắc cung đình. Phổ biến nhất vẫn là những bức chạm khắc trên gỗ, cột đá ở các đình làng; tạc tượng và chạm khắc trên chuông đồng, tượng Phật thờ trong các ngôi chùa như tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), tượng La Hán ở chùa Tây Phương (Hà Nội); chạm khắc bia, rùa đá và chuông đồng ở chùa Thiên Mụ (Huế), đá mĩ nghệ Bửu Long (Đồng Nai),...

Hình 28. Chuông chùa Thiên Mụ (Huế)

Đại hồng chung – chuông chùa Thiên Mụ (Huế) được đúc bằng đồng năm 1710 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, có chiều cao 2,5 m, đường kính miệng 1,4 m và nặng gần 2 tấn. Trên chuông có khắc bài minh của chúa Nguyễn Phúc Chu *"chú nguyện mưa thuận gió hoà, quốc thái dân an"* với những hoa văn chạm trổ tinh tế, sắc nét. Trong suốt 105 năm (1710 – 1815), người dân Huế đều đặn được nghe tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân vang. Năm 2013, Đại hồng chung được Chính phủ công nhận là Bảo vật Quốc gia.

Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục b, nêu những nét cơ bản về nghệ thuật điêu khắc thời Lê trung hưng và rút ra nhận xét.

c) Mĩ thuật

Mĩ thuật thời Lê trung hưng phát triển rực rỡ với nhiều thể loại như vẽ trang trí hoa văn trên đồ gốm sứ, vẽ trên giấy bồi và trên ván gỗ, các bức vẽ ở đình, chùa,... nhưng phổ biến nhất vẫn là tranh lụa và tranh dân gian.

Tranh lụa thời Lê trung hưng có nhiều chủ đề như tranh phong cảnh, tranh trang trí đồ vật hoặc tranh vẽ chân dung (tiêu biểu là tranh vẽ về Nguyễn Trãi, Phùng Khắc Khoan, Trịnh Đình Kiên, Phan Huy Ích,...).

Tranh dân gian xuất hiện vào khoảng thế kỉ XVII, phát triển mạnh trong các thế kỉ XVIII – XIX với bốn dòng chính là tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống, tranh Kim Hoàng (còn gọi là tranh đỏ) và tranh làng Sình. Tranh Hàng Trống và tranh Đông Hồ thường phục vụ nhu cầu của người dân trong dịp tết nên còn được gọi là Tranh Tết.

Tranh Đông Hồ có xuất xứ từ làng Đông Hồ (xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Năm 2012, Chính phủ đã công nhận nghề làm tranh dân gian Đông Hồ là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Tranh Hàng Trống bắt nguồn từ phố Hàng Trống (Hà Nội), nơi chuyên làm đồ thủ công mĩ nghệ. Tranh Kim Hoàng thuộc làng Kim Hoàng (xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội).

Hình 29. Tranh dân gian Hàng Trống (Hà Nội)

Mĩ thuật ở Đàng Trong nổi bật với nghệ thuật trang trí, tạo hoa văn nổi bằng việc đắp vữa gắn sành, sứ ở các ngôi chùa, phối hợp với nhiều màu sắc để có hình ảnh đẹp.

Khai thác thông tin và các hình ảnh trong mục c, nêu những nét cơ bản về mĩ thuật thời Lê trung hưng và rút ra nhận xét.

Hình 30. Trang trí tạo hoa văn nổi ở chùa Long Thiền (Đồng Nai)

d) Những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng

Cùng với sự tồn tại của cung vua và hai phủ chúa, sự phát triển của kinh tế hàng hoá và văn hoá dân gian đã tạo nên những điểm mới của nghệ thuật thời Lê trung hưng.

Bảng 3. Một số điểm mới của nghệ thuật thời Lê trung hưng

Những điểm mới	Dấu hiệu, biểu hiện cơ bản
Sự mở rộng của kiến trúc cung đình	Đây là thời kì có cả cung vua (nhà Lê) và phủ chúa (chúa Trịnh, chúa Nguyễn). Kiến trúc ở phủ chúa Trịnh và phủ chúa Nguyễn ngày càng mở rộng, được xây dựng ở nhiều nơi và thường xuyên được làm mới.
Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian phát triển rực rỡ, độc đáo, sáng tạo	Nhiều ngôi chùa, tháp, đình làng được tu sửa hoặc xây dựng mới; kĩ thuật điêu khắc, chạm trổ có nhiều nét hoa văn tinh xảo, có nhiều chủ đề gắn với đời sống dân dã, bối cảnh làng quê,...
Mĩ thuật xuất hiện yếu tố mới và trở nên đa dạng	Sự phong phú, đa dạng của tranh lụa; sự ra đời và nở rộ của ba dòng tranh dân gian (Đông Hồ, Hàng Trống và Kim Hoàng) gắn với đời sống, tín ngưỡng của người dân.
Nghệ thuật có sự kế thừa và giao thoa mạnh mẽ	Các loại hình nghệ thuật có sự kế thừa các thời kì trước đó, đồng thời có hướng đi mới, kết hợp giao thoa văn hoá giữa các vùng, miền và văn hoá Đông – Tây,...

Hình 31. Hình các tiên nữ được chạm khắc ở đình Thổ Hà (Bắc Giang)

Đình Thổ Hà được xây dựng năm 1692. Ngôi đình này tiêu biểu cho không gian tâm linh, văn hoá truyền thống của người Việt với những đặc điểm độc đáo về kiến trúc, điêu khắc, trong đó nổi bật nhất là hình ảnh chạm khắc các tiên nữ.

Dựa thông tin và hình ảnh trong mục d, phân tích những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.

2. Nghệ thuật thời Nguyễn

a) Kiến trúc

• ***Kiến trúc cung đình***

Kinh thành Huế được xây dựng trong 30 năm (1803 – 1832), có chu vi 10 km, có diện tích là 520 ha, tạo thành một quần thể kiến trúc độc đáo và đa dạng. Kinh thành Huế gồm ba lớp thành: Kinh thành, Hoàng thành và Tử cấm thành. Hoàng thành và Tử cấm thành thường được gọi là Đại Nội.

Hình 32. Ngọ Môn – cửa chính phía nam của Hoàng thành (Huế)

Ngọ Môn là cổng ra vào của Đại Nội Kinh thành Huế, nhìn ra sông Hương. Cổng Ngọ Môn có 5 cửa: cửa giữa dành cho nhà vua, hai cửa ở hai bên dành cho quan văn và quan võ, hai cửa còn lại dành cho binh lính đi theo.

Trung tâm của Kinh thành Huế là khu Đại Nội với gần 140 công trình lớn nhỏ. Mỗi công trình có chức năng riêng biệt, được xây dựng và trang trí rất độc đáo, tiêu biểu là Ngọ Môn, điện Thái Hoà, sân Đại Triều, cung Diên Thọ, Thái Miếu, Thế Miếu, Triệu Miếu,... Ở ngoại ô Kinh thành Huế còn có lăng tẩm của các vua Nguyễn, mỗi lăng tẩm là một công trình nghệ thuật với phong cách riêng.

Ngoài Kinh thành Huế, nhà Nguyễn còn cho xây dựng nhiều thành trì quân sự vững chắc ở Hà Nội, Cao Bằng, Sơn Tây, Quảng Trị, Bình Định, Vĩnh Long, Gia Định,...

Hình 33. Thành Cửa Bắc (Hà Nội)

Thành Cửa Bắc (Hà Nội) hoàn thành xây dựng năm 1805 trên nền Cửa Bắc thời Lê trung hưng. Thành được xây bằng gạch, đá theo kiến trúc vọng lâu (phía trên là lầu, phía dưới là thành). Trên thành có vọng gác của quân lính. Tường thành vẫn còn dấu vết đạn pháo do quân Pháp bắn trong lần đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ hai (1882). Đây là một trong số ít di tích lịch sử còn sót lại của thành cổ Hà Nội.

• ***Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian***

Nhà Nguyễn đề cao Nho giáo, không còn tôn sùng Phật giáo như thời các chúa Nguyễn. Có giai đoạn vua Gia Long và vua Tự Đức cấm nhân dân không được xây dựng chùa mới.

Năm 1804, vua Gia Long xuống chiếu: *"Gần đây có kẻ sùng phụng đạo Phật, xây dựng chùa chiền quá cao, lầu gác hết sức tráng lệ, đúc chuông tô tượng rất đỗi trang hoàng,... Vậy từ nay về sau, chùa có đổ nát mới được tu bổ, còn làm chùa mới và tô tượng đúc chuông, đàn chay, hội chùa, hết thảy đều cấm".*

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, NXB Giáo dục, tr.586)

Tuy vậy, chùa, tháp vẫn được trùng tu hoặc xây dựng mới ở nhiều nơi, tiêu biểu là chùa Dâu, chùa Phật Tích (Bắc Ninh); chùa Keo (Thái Bình); chùa Thiên Mụ (Huế); chùa Tam Bảo (Kiên Giang); chùa Tôn Thạnh (Long An); chùa Vĩnh Tràng (Tiền Giang),...

Việc xây dựng mới hoặc tu sửa đình làng tiếp tục được duy trì. Ở Nam Bộ, việc xây dựng đình làng trở nên phổ biến hơn. Những đình làng tiêu biểu xuất hiện ở thời Nguyễn là đình thần Hưng Long (Bình Phước); đình Mỹ Đức (Kiên Giang); đình Thới An, đình Thạnh Hoà, đình Tân Lộc Đông (Cần Thơ),...

Nhìn chung, kiến trúc thời Nguyễn có sự kế thừa truyền thống của các thời kì trước đó, đồng thời tiếp thu những nét đặc sắc kiến trúc của Trung Hoa và vận dụng hiệu quả kiểu kiến trúc xây thành quân sự phòng ngự Vau-ban của Pháp.

Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh trong mục a:
– Mô tả những nét cơ bản về nghệ thuật kiến trúc thời Nguyễn và rút ra nhận xét.
– Giới thiệu một công trình kiến trúc nổi bật của Kinh thành Huế.

b) Điêu khắc

Điêu khắc thời Nguyễn nổi bật với nghệ thuật khảm sành, sứ và đắp vữa gắn sành, sứ. Loại hình nghệ thuật này được sử dụng ở hầu hết các công trình kiến trúc trong Đại Nội (Huế) và trong lăng tẩm của các vua nhà Nguyễn như điện Thái Hoà, điện Kiến Trung, cung An Định, lăng Minh Mạng, lăng Tự Đức, lăng Khải Định,...

Khảm sành sứ đã tạo nên nét đặc sắc của điêu khắc cung đình Huế, tiêu biểu nhất là lăng Khải Định. Ngoài yếu tố mới lạ và độc đáo đến từ sự giao thoa văn hoá, kiến trúc Đông – Tây, giá trị lớn nhất đưa lăng Khải Định đạt đến tầm kiệt tác nghệ thuật chính là nghệ thuật khảm sành sứ trong nội điện. Các nghệ nhân xứ Huế đã dùng hàng vạn mẩu sành, sứ, thuỷ tinh với đủ màu sắc để đắp nổi thành hàng nghìn bức tranh, phù điêu, hình chim, hoa, muông thú,... theo các điển tích truyện Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo và dân gian.

Hình 34. Nghệ thuật khảm sành, sứ trong lăng vua Khải Định (Huế)

Hình 35. Hình tượng rồng được chạm khắc trên kim bảo, đúc năm Bảo Đại thứ nhất (1926)

Nét đặc sắc về nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn còn thể hiện ở việc chạm khắc trên bia đá, tạc tượng (người hoặc con vật), chạm trổ trên gỗ, tạo hoa văn trang trí trên đồng,... Trong đó, hình tượng "tứ linh" (long, ly, quy, phượng) là phổ biến hơn cả. Hình tượng rồng và phượng có mặt ở mọi công trình kiến trúc trong Kinh thành Huế, các lăng tẩm và được thể hiện trên nhiều chất liệu khác nhau như vàng, sành, sứ, gỗ, đá,...

Cuối năm 1835, vua Minh Mạng cho khởi công đúc Cửu Đỉnh và hoàn thành một năm sau đó. Cửu Đỉnh được đặt trước sân Thế Tổ Miếu và ở nguyên vị trí từ đó đến nay. Cả 9 chiếc đỉnh đều có kiểu dáng chung, giống nhau (bầu tròn, cổ thắt, miệng loe, trên miệng có hai quai, dưới bầu có ba chân,...). Năm 2012, Cửu Đỉnh được công nhận là Bảo vật Quốc gia.

Hình 36. Cửu Đỉnh ở Hoàng thành (Huế)

Nghệ thuật điêu khắc tại các ngôi chùa và đình làng thời Nguyễn về cơ bản vẫn tiếp nối phong cách thời Lê trung hưng, gồm có chạm trổ trên gỗ, đá hoặc đúc chuông, đúc tượng Phật,... Ở phía nam, nhiều ngôi chùa, đình tại các làng xã hoặc nhà ở và lăng mộ của một số người giàu có còn chạm khắc đá, khảm sành, sứ, đắp vữa tạo thành hình nổi về các con vật trong "tứ linh" hoặc "tứ quý" (mai, lan, cúc, trúc),...

Dựa vào thông tin và các hình ảnh trong mục b:
– Mô tả những nét cơ bản về nghệ thuật điêu khắc thời Nguyễn.
– Giới thiệu một sản phẩm mà em ấn tượng nhất.

c) Mĩ thuật

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kinh thành Huế, việc trang trí nội thất cung đình được các vua triều Nguyễn rất chú trọng. Những vật dụng cá nhân hoặc dụng cụ dùng hằng ngày như bộ ấm chén uống trà, bát ăn, đĩa,... cũng được trang trí công phu, tinh xảo.

Hình 37. Hoa văn trên bộ ấm chén uống trà của vua Minh Mạng

Mĩ thuật dân gian tiếp tục phát triển với nhiều loại hình, sử dụng nhiều chất liệu khác nhau. Các dòng tranh dân gian ra đời từ thời Lê trung hưng như tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống, tranh Kim Hoàng, tranh làng Sình,... tiếp tục phát triển. Mỗi dòng tranh dân gian có nghệ thuật tạo màu sắc và cách in ấn khác nhau, nhưng đều gắn với chủ đề lịch sử như Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Quang Trung,... hoặc phản ánh cuộc sống thường ngày như đánh vật, chăn trâu thổi sáo, phong cảnh làng quê,...

Hình 38. Cảnh cày ruộng (tranh làng Sình)

Tranh làng Sình ra đời vào khoảng thế kỉ XVI ở thôn Lại Ân, xã Phú Mậu, thành phố Huế. Đây là dòng tranh vẽ ra không chỉ phục vụ thú chơi tranh tao nhã mà còn đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, được người dân Huế dùng để thờ, hoá trong lễ cầu an, giải hạn,... Tranh làng Sình làm nên nét riêng biệt và đặc sắc cho vùng đất miền Trung.

Dựa vào thông tin và các hình ảnh trong mục c, mô tả những nét cơ bản về mĩ thuật thời Nguyễn và rút ra nhận xét.

d) Âm nhạc

• Âm nhạc cung đình

Trong lịch sử âm nhạc Việt Nam, nhạc cung đình xuất hiện từ rất sớm, được lưu giữ và phát triển qua nhiều triều đại, nhưng đặc sắc và có quy mô nhất là ở thời Nguyễn. Năm 1808, vua Gia Long đổi tên dàn nhạc cung đình là "Việt Nam quốc nhạc".

Nhã nhạc cung đình Huế là thể loại nhạc cung đình, được biểu diễn vào các dịp lễ hội (vua đăng quang, các lễ hội tôn nghiêm khác). Năm 2003, Nhã nhạc cung đình Huế được UNESCO ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại.

"Trong các thể loại nhạc cổ truyền ở Việt Nam, chỉ có Nhã nhạc đạt tới tầm vóc quốc gia... Nhã nhạc đã được phát triển từ thế kỉ XIII ở Việt Nam, đến thời nhà Nguyễn thì Nhã nhạc Cung đình Huế đạt độ chín muồi và hoàn chỉnh nhất".

(UNESCO, Những kiệt tác Di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại đã được công bố)

• Âm nhạc dân gian

Âm nhạc dân gian phát triển trên khắp các tỉnh thành trong cả nước, phong phú về loại hình, đồng thời mang đặc trưng vùng, miền như nghệ thuật sân khấu cải lương, tuồng, hát chèo, hát quan họ, hát trống cơm, hát ví, giặm, hát xẩm,...

Khai thác thông tin, tư liệu và hình ảnh trong mục d:

– Mô tả những nét cơ bản về âm nhạc thời Nguyễn.

– Giới thiệu một loại hình nghệ thuật âm nhạc mà em ấn tượng nhất.

Hình 39. Những người hát xẩm ở Hải Phòng (thời thuộc Pháp)

e) Những điểm mới về nghệ thuật thời Nguyễn

Kiến trúc thời Nguyễn, đặc biệt là kiến trúc cung đình Huế có quy mô lớn, kiên cố nhất trong các triều đại quân chủ Việt Nam. Trải qua hàng thế kỉ chịu sự tác động của thời tiết khắc nghiệt, nhiều công trình kiến trúc của Kinh thành Huế và thành quân sự ở các địa phương vẫn đứng vững, được lưu giữ gần như nguyên vẹn.

Dưới thời Nguyễn, xuất hiện một số loại hình nghệ thuật mới và đặc sắc, độc đáo, đặc biệt là nghệ thuật khảm sành, sứ và Nhã nhạc cung đình Huế. Biểu tượng "cá hoá rồng" được đắp nổi bằng sành, sứ là chủ đề trang trí phổ biến trên các công trình kiến trúc cung đình hoặc kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng dân gian.

Huế là địa phương có hai di sản văn hoá được UNESCO ghi danh: Quần thể di tích Cố đô Huế được ghi danh là Di sản Văn hoá Thế giới (1993) và Nhã nhạc cung đình Huế được ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và Di sản Văn hoá phi vật thể của nhân loại (2003).

Hình 40. Hình rồng gắn sành, sứ trên đầu đao điện Thái Hoà (Đại Nội, Huế)

Nghệ thuật thời Nguyễn có sự kết hợp văn hoá Đông – Tây, đặc biệt là văn hoá Việt – Pháp. Các công trình kiến trúc (Kinh thành Huế, lăng tẩm, thành quân sự ở các địa phương) đều có sự kết hợp văn hoá Đông – Tây, vừa phát huy được những thành tựu của các thời kì trước, vừa vận dụng được hiệu quả của kiến trúc Trung Hoa và kiến trúc thành quân sự phòng ngự Vau-ban của Pháp,...

Nêu những điểm mới về nghệ thuật của Việt Nam dưới thời Nguyễn.

1. Lập bảng tóm tắt những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc của Việt Nam dưới thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê trung hưng và Nguyễn theo mẫu sau:

Triều đại / Lĩnh vực	Lý	Trần	Lê sơ	Mạc	Lê trung hưng	Nguyễn
Kiến trúc	?	?	?	?	?	?
Điêu khắc	?	?	?	?	?	?

2. Làm sáng tỏ nhận định: Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn có nhiều điểm mới so với nghệ thuật các thời kì trước đó.

3. Tìm hiểu và chỉ ra những điểm giống và khác nhau của biểu tượng rồng thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc và Nguyễn. Giới thiệu những điểm giống và khác nhau đó với thầy cô và bạn học.

4. Lập nhóm và sưu tầm tư liệu về công trình kiến trúc hoặc điêu khắc tiêu biểu của Việt Nam dưới thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê trung hưng và Nguyễn. Giới thiệu công trình đó với thầy cô và bạn học.

CHUYÊN ĐỀ 2 CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

- ✓ *Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới.*
- ✓ *Đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới.*
- ✓ *Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh Hoà bình của Lê-nin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô, những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu, phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,...*
- ✓ *Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai; phân tích được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.*
- ✓ *Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm, đánh giá được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng; phân tích được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng; giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể.*
- ✓ *Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh; nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.*
- ✓ *Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc; có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.*

Tại thành phố Hi-rô-si-ma (Nhật Bản), toà Mái vòm bom nguyên tử là công trình duy nhất còn đứng vững trong bán kính huỷ diệt của quả bom nguyên tử do người Mỹ thả xuống thành phố ngày 6-8-1945, trong giai đoạn cuối cùng của Chiến tranh thế giới thứ hai – cuộc chiến khốc liệt nhất trong thế kỉ XX. Quả bom đã gây ra cái chết của 140 000 người. Chính tại nơi đây, Công viên Tưởng niệm Hoà bình Hi-rô-si-ma đã được xây dựng để nhắc nhở nhân loại về sự tàn khốc của chiến tranh và giá trị của hoà bình.

Hình 1. Toà Mái vòm bom nguyên tử tại Công viên Tưởng niệm Hoà bình Hi-rô-si-ma (Nhật Bản)

Vậy trong thế kỉ XX, các cuộc chiến tranh thế giới đã để lại hậu quả gì đối với nhân loại? Cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới đã diễn ra như thế nào?

I. Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX

1. Hai cuộc chiến tranh thế giới

a) Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

• ***Nguyên nhân***

Bảng 1. Nguyên nhân dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ nhất

Nguyên nhân sâu xa	– Từ cuối thế kỉ XIX, các nước tư bản Âu – Mỹ chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Sự phát triển không đồng đều về kinh tế và phân chia quyền lợi thuộc địa gây ra bất đồng sâu sắc giữa các cường quốc như Anh, Pháp, Đức, Áo - Hung, Mỹ, Nhật Bản, I-ta-li-a,… – Sự ra đời của nước Đức thống nhất năm 1871 đã làm thay đổi cán cân lực lượng ở châu Âu. Nước Đức chủ trương phát động chiến tranh phân chia lại thuộc địa thế giới. – Năm 1882, khối Liên minh được thành lập, gồm ba cường quốc là Đức, Áo - Hung và I-ta-li-a (đầu thế kỉ XX, I-ta-li-a rút khỏi khối này). Để đáp lại, năm 1907, Anh, Pháp, Nga lập phe Hiệp ước.
Nguyên nhân trực tiếp	Hoàng tử thừa kế ngôi hoàng đế Áo - Hung bị một người dân tộc chủ nghĩa Xéc-bi ám sát ngày 28-6-1914. Xéc-bi là nước được phe Hiệp ước bảo trợ, vì thế Đức và Áo - Hung đã nhân sự kiện này phát động chiến tranh. Ngày 28-7-1914, Áo - Hung đánh chiếm Xéc-bi. Sau đó, Đức tuyên chiến với Nga và Pháp; Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

• ***Hậu quả***

Chiến tranh thế giới thứ nhất là một cuộc chiến khốc liệt, lan rộng ra toàn thế giới với hơn 30 nước tham gia. Sau hơn 4 năm chiến tranh, phe Hiệp ước giành chiến thắng. Tuy vậy, cả hai bên tham chiến đều bị thiệt hại nặng nề.

Hình 2. Nghĩa trang quân sự Đu-a-môn Ót-sua-ry (Pháp) với hơn 130 000 ngôi mộ vô danh

Bảng 2. Số liệu về hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất

Số nước tham chiến	36
Số người bị động viên vào quân đội (triệu người)	74
Số người chết (triệu người)	10
Số người bị thương (triệu người)	20
Thiệt hại vật chất (tỉ USD)	338
Chi phí quân sự trực tiếp (tỉ USD)	208

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.343)

Trận Som-mờ (Pháp) là một trong những chiến trường đẫm máu nhất trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Theo ước tính, Đức thiệt hại 630 000 quân; Anh và Pháp là 485 000 quân. Một quan chức Đức đã phải thốt lên:

"Som-mờ! Toàn bộ lịch sử thế giới không thể có từ nào ghê rợn hơn thế!".

(Giôn Lê-vít, *Lược sử Chiến tranh thế giới thứ nhất: các ghi chép từ nhân chứng về cuộc chiến kết thúc tất cả các cuộc chiến, 1914 – 1918*, NXB Hơ-sét, tr.154)

Từ năm 1914 đến năm 1918, có 42 922 binh lính và 49 180 công nhân người Việt Nam bị đưa sang Pháp và buộc phải tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Tác động

Bảng 3. Tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất

Làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới, trong đó có sự sụp đổ của các đế quốc Đức, Nga, Áo - Hung, Ốt-tô-man, phân chia lại đường biên giới và thành lập nhiều quốc gia mới.	Thay đổi vị thế của các cường quốc trong trật tự quốc tế xác lập sau chiến tranh. Mỹ cạnh tranh với Anh để vươn lên thành cường quốc số một thế giới.
Tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất	
Là cơ sở cho các hoà ước xác lập trật tự thế giới nhằm duy trì hoà bình, tuy nhiên cũng khiến xung đột giữa chính quốc với thuộc địa, giữa các giai cấp trong xã hội tư bản ngày càng sâu sắc.	Thúc đẩy phong trào cách mạng và đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân thế giới, tiêu biểu là Cách mạng tháng Mười Nga; phong trào cách mạng 1918 – 1923 dẫn tới sự ra đời của các đảng cộng sản và các chính phủ cộng hoà tiến bộ ở châu Âu.

Cách mạng tháng Mười Nga cùng với sự kết thúc của Chiến tranh thế giới thứ nhất đã khép lại thời kì cận đại và mở ra giai đoạn mới của lịch sử thế giới: thời kì hiện đại.

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 2, các bảng từ 1 đến 3:*
– Giải thích nguyên nhân cơ bản dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.
– Đánh giá hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

b) Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

• ***Nguyên nhân***

Bảng 4. Nguyên nhân dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai

Nguyên nhân sâu xa	– Hệ thống Hoà ước Véc-xai – Oa-sinh-tơn ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra nhiều xung đột và bất mãn giữa các đế quốc thắng trận và bại trận. – Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 – 1933 đẩy nhiều nước tư bản vào con đường phát xít hoá (Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản,...), chủ trương phát động chiến tranh để phân chia lại thế giới. – Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với Liên Xô, đặc biệt là chính sách dung dưỡng, thoả hiệp của Anh, Pháp với phe phát xít nhằm chống Liên Xô và chính sách ngoại giao trung lập của Mỹ.
Nguyên nhân trực tiếp	Năm 1938, Hít-le đưa ra yêu cầu sáp nhập vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc vào Đức. Anh và Pháp nhượng bộ, quân Đức tràn vào chiếm đóng Tiệp Khắc và đòi chiếm lãnh thổ Ba Lan. Ngày 1-9-1939, Đức tấn công Ba Lan. Ngày 3-9-1945, Pháp và Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Hình 3. Lễ kí hiệp ước hình thành trục phát xít (9-1940) tại Béc-lin (Đức)

"Chủ nghĩa phát xít là nền độc tài khủng bố công khai của những phần tử phản động nhất, sô-vanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của chủ nghĩa tư bản tài chính".

(G. Đi-mi-tơ-rốp, *Tuyển tập*, Tập 2, NXB Sô-phi-a, tr.8)

• ***Hậu quả***

Chiến tranh thế giới thứ hai có quy mô và tính chất ác liệt chưa từng có trong lịch sử, gây ra nhiều hậu quả thảm khốc đối với nhân loại.

Bảng 5. Số liệu về hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai

Số nước tham chiến	76
Số người bị động viên vào quân đội (triệu người)	110
Số người chết (triệu người)	60
Số người bị thương (triệu người)	90
Thiệt hại vật chất (tỉ USD)	4 000
Chi phí quân sự trực tiếp (tỉ USD)	1 384

(*Lịch sử Văn minh thế giới*, Vũ Dương Ninh (Chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, tr.343)

"Đây là thứ mà quả bom đó [bom hạt nhân] có thể làm ư? Có phải tôi đã được sống để chứng kiến cảnh tan hoang này?... Ở đây, không còn chỗ cho con người trú ngụ. Tôi đã đi từ rừng rậm để về với hoang tàn. Tôi đã đi từ sự khắc nghiệt của tự nhiên mà chiến tranh thử thách con người đến sự khốc liệt của văn minh,... Tôi không thể tìm thấy điều gì nâng đỡ tấm thân tan nát này".

(Hồi kí của người lính Nhật Ô-ga-goa Na-sát-su-gu khi trở về thành phố Hi-rô-si-ma)

• ***Tác động***

Bảng 6. Tác động của Chiến tranh thế giới thứ hai

Làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới, tạo cơ sở cho quá trình phân chia lại đường biên giới và hình thành nhiều quốc gia mới.	Thay đổi vị thế của các cường quốc trong trật tự quốc tế xác lập sau chiến tranh, đưa Mỹ và Liên Xô trở thành hai siêu cường thế giới.
Tác động của Chiến tranh thế giới thứ hai	
Là cơ sở xác lập trật tự thế giới mới: trật tự hai cực I-an-ta; đưa đến sự thành lập của tổ chức Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.	Làm thay đổi vị thế của Liên Xô, đưa đến sự ra đời của các nước xã hội chủ nghĩa. Thúc đẩy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh.

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 3, các bảng từ 4 đến 6:*
– Giải thích nguyên nhân cơ bản dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.
– Đánh giá hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ hai.

2. Cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

a) Sắc lệnh Hoà bình của Lê-nin (1917), chính sách ngoại giao hoà bình của nước Nga Xô viết và Liên Xô

• ***Sắc lệnh Hoà bình***

Ngay khi Cách mạng tháng Mười thành công, Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ II (25-10-1917) đã ra tuyên bố Nga là nước Cộng hoà Xô viết của công nhân và nông dân, thành lập chính phủ Xô viết và thông qua hai sắc lệnh: *Sắc lệnh Hoà bình* và *Sắc lệnh Ruộng đất*.

Sắc lệnh Hoà bình coi chiến tranh là một tội ác lớn nhất đối với loài người, kêu gọi các nước chấm dứt chiến tranh, đàm phán để kí kết một hoà ước công bằng, không thôn tính, sáp nhập, không bồi thường chiến phí.

"Chính phủ công nông do cuộc cách mạng ngày 24 – 25 tháng Mười thiết lập,... đề nghị với nhân dân tất cả các nước tham chiến và với các chính phủ của họ tiến hành ngay những cuộc đàm phán về một hoà ước dân chủ và công bằng... một hoà ước phải được kí kết ngay lập tức mà không có thôn tính (nghĩa là không có xâm chiếm đất đai của nước ngoài, không có cưỡng ép sáp nhập các dân tộc khác) và không có bồi thường".

(Lê-nin, *Sắc lệnh Hoà bình*, trong *Lê-nin toàn tập*, Tập 26, NXB Lo-ren-sơ & Guýt-sơ-át Luân Đôn, tr.62 – 63)

• ***Chính sách ngoại giao hoà bình của nước Nga Xô viết và Liên Xô***

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO HOÀ BÌNH CỦA NƯỚC NGA XÔ VIẾT VÀ LIÊN XÔ

- Năm 1917: Ban hành Tuyên bố về quyền của các dân tộc trong nước Nga, khẳng định quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc, xoá bỏ mọi áp bức dân tộc của chế độ cũ.
- Năm 1918: Kí Hoà ước Brét – Li-tốp với Đức, đưa nước Nga ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Năm 1918 – 1920: Tiến hành bảo vệ thành quả cách mạng, đánh bại lực lượng Bạch vệ nổi dậy trong nước và cuộc xâm lược của các đế quốc.
- Năm 1921 – 1924: Giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Mông Cổ, Trung Quốc,...
- Năm 1933 – 1939: Kêu gọi Mỹ, Anh, Pháp hợp tác chống chủ nghĩa phát xít; kêu gọi thành lập mặt trận thống nhất chống phát xít tại nhiều nước.

Hình 4. Chính sách ngoại giao hoà bình của nước Nga Xô viết và Liên Xô

Theo Hoà ước Brét – Li-tốp, Nga mất vùng lãnh thổ rộng 750 000 km² (chiếm 26 % phần lãnh thổ của Nga ở châu Âu), hơn 70 % sản lượng sắt và 90 % sản lượng than, cùng với khoản bồi thường chiến phí 6 tỉ mác vàng.

Năm 1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba) được thành lập tại Mát-xcơ-va. Không chỉ vạch ra đường lối cho phong trào cách mạng thế giới, Quốc tế Cộng sản, với vai trò quan trọng là Đảng Cộng sản Liên Xô, đã tham dự trực tiếp vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình thế giới thông qua việc thúc đẩy thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít và chiến tranh tại nhiều nước.

Hình 5. Đại hội lần II của Quốc tế Cộng sản (1920)

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 5, phân tích khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

b) Hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

Nhằm duy trì hoà bình ở châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, đại diện 27 nước thắng trận đã họp hội nghị hoà bình tại cung điện Véc-xai (ngoại ô Pa-ri, Pháp, 1919 – 1920). Hội nghị diễn ra căng thẳng, kéo dài vì tham vọng bành trướng, tranh chấp lãnh thổ giữa các nước đế quốc. Cuối cùng, Hoà ước Véc-xai được kí kết, với nội dung chính bao gồm việc thành lập một tổ chức quốc tế là Hội Quốc Liên, kí hoà ước với Đức và các nước bại trận.

Hoà ước Véc-xai được kí kết nhưng chỉ có Anh và Pháp hài lòng. Năm 1921, Mỹ triệu tập hội nghị tại Oa-sinh-tơn nhằm bảo đảm lợi ích của mình.

Hình 6. Sơ đồ các nội dung về an ninh của trật tự thế giới theo hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn

Trật tự thế giới theo hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn tạo dựng cơ sở cho cấu trúc an ninh tập thể ở châu Âu và trên thế giới trong các thập niên 20, 30 của thế kỉ XX. Các nước Mỹ, Anh, Pháp củng cố vị thế, áp đặt trừng phạt nặng nề lên các nước bại trận. Điều này làm cho hoà bình không được bảo đảm và mâu thuẫn giữa các cường quốc thêm sâu sắc.

Nguyên soái F. Phốc, nguyên Tổng Tư lệnh quân đội Đồng minh tại châu Âu nhận định về Hoà ước Véc-xai: *"Đây không phải là hoà bình. Đây là một cuộc hưu chiến 20 năm".*

(Đa-vít King, *Các cuộc chiến tranh thế giới và thời hiện đại*, NXB Giôn Guy-li & Săn, tr.58)

? *Đọc thông tin, tư liệu, cho biết các cường quốc phương Tây đã có những nỗ lực nào để xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới?*

c) Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh

Trước sự bành trướng của Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản, Quốc tế Cộng sản đã phát động phong trào chống phát xít, chống chiến tranh ở nhiều nước. Những người cộng sản, công nhân quốc tế và lực lượng yêu nước tiến bộ đã thống nhất hành động với các đảng xã hội dân chủ thành lập Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít ở Pháp, I-ta-li-a, Hy Lạp, Tây Ban Nha,...

Hình 7. Nhân dân Pháp tuần hành chống chủ nghĩa phát xít (1934)

Tiêu biểu ở châu Âu là Mặt trận nhân dân Pháp (1936 – 1939) với thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936 và sự ra đời của Chính phủ Lê-ông Bơ-lum. Mặt trận nhân dân không chỉ giúp bảo vệ nền dân chủ Pháp vượt qua hiểm hoạ phát xít mà còn thúc đẩy việc thi hành một số chính sách tiến bộ ở các thuộc địa.

Tại Tây Ban Nha, dù Mặt trận nhân dân giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử năm 1936 nhưng thế lực quân phiệt do Phơ-răng-cô đứng đầu được sự ủng hộ của Đức và I-ta-li-a đã tiến hành cuộc nội chiến từ năm 1936 đến năm 1939 nhằm tiêu diệt nền cộng hoà. Các lực lượng tiến bộ trong đó có Liên Xô đã hỗ trợ những người cách mạng. 35 000 chiến sĩ từ 53 quốc gia tình nguyện đến Tây Ban Nha tham chiến. Tuy nhiên, do chênh lệch lực lượng nên cuối cùng phe phát xít đã lên nắm quyền tại Tây Ban Nha.

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 7, cho biết:

– Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh đã diễn ra như thế nào?

– Những lực lượng nào có vai trò quan trọng trong việc hình thành Mặt trận nhân dân chống phát xít?

3. Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai

a) Phong trào kháng chiến chống phát xít của nhân dân thế giới

Tại châu Âu, bất chấp sự đầu hàng của chính quyền trong nước, phong trào kháng chiến chống phát xít đã bùng nổ tại Pháp, Hy Lạp, Ba Lan, Na Uy,...

Ở Pháp, Chính phủ Pê-tanh đầu hàng, Đảng Cộng sản đã lãnh đạo nhân dân lập ra các lực lượng kháng chiến bên trong nước Pháp. Trong khi đó, tướng Đờ Gôn đã tập hợp các lực lượng ở bên trong và ngoài nước Pháp thành lập Chính phủ Pháp tự do, tiến hành chống phát xít. Mùa hè năm 1943, Đảng Cộng sản I-ta-li-a tổ chức các phong trào chống phát xít rộng khắp trên cả nước. Khi quân Đồng minh đổ bộ lên I-ta-li-a, chính quyền Mút-xô-li-ni sụp đổ.

Từ năm 1944, Hồng quân Liên Xô mở cuộc phản công trên toàn mặt trận phía đông, tạo điều kiện cho nhân dân các quốc gia Đông Âu giành độc lập. Khi Mỹ – Anh mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu, Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo nhân dân giải phóng nhiều vùng đất rộng lớn. Tháng 8-1944, công nhân Pa-ri tiến hành khởi nghĩa vũ trang, lật đổ chính quyền thân phát xít Đức, tạo điều kiện để quân Đồng minh tiến vào giải phóng Pa-ri.

Tại châu Á, từ năm 1931, nhân dân Trung Quốc đã đấu tranh chống quân phiệt Nhật Bản xâm lược vùng Mãn Châu. Đến năm 1937, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã hợp tác với chính quyền Quốc dân đảng chống Nhật trên phạm vi cả nước. Nhân dân các nước Đông Nam Á cũng anh dũng tiến hành chiến tranh chống quân Nhật xâm lược. Các nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia tiến hành cuộc vận động giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tại Mi-an-ma, Liên minh tự do chống phát xít được thành lập bao gồm Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội. Tại Phi-lip-pin, Mặt trận dân tộc dân chủ thống nhất chống phát xít ra đời do giai cấp tư sản lãnh đạo. Năm 1942, Liên hiệp Nhân dân Ma-lai-xi-a ra đời cùng các nhóm vũ trang chống quân Nhật.

Cùng với sự thất bại của quân phiệt Nhật, nhiều nước Đông Nam Á đã tiến hành cách mạng giành chính quyền như In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào,...

Cho biết phong trào kháng chiến chống phát xít của nhân dân thế giới đã diễn ra như thế nào?

b) Ý nghĩa

Phong trào kháng chiến chống phát xít của nhân dân thế giới góp phần vào thắng lợi chung của nhân loại tiến bộ, đập tan tham vọng bành trướng và áp bức của chủ nghĩa phát xít Đức, I-ta-li-a và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít thể hiện khát vọng hoà bình, ý chí xây dựng xã hội tự do, dân chủ, bình đẳng, tiến bộ và văn minh của nhân dân thế giới.

Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc, mở đường cho sự ra đời của nhiều quốc gia độc lập.

Trình bày ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)

a) Nguyên nhân, đặc điểm

• ***Nguyên nhân***

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ đồng minh giữa Liên Xô và Mỹ đã nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu, dẫn tới cuộc Chiến tranh lạnh.

Nguyên nhân đưa đến Chiến tranh lạnh là mâu thuẫn về mục tiêu và lợi ích chiến lược giữa hai siêu cường. Trong khi Liên Xô chủ trương thúc đẩy hoà bình, hợp tác và duy trì an ninh trên thế giới, Mỹ, Anh và các nước tư bản lại coi sự lớn mạnh của Liên Xô và việc mở rộng của hệ thống chủ nghĩa xã hội là mối đe doạ, nên đã đề ra một loạt chiến lược về kinh tế, chính trị, quân sự nhằm bao vây, cô lập Liên Xô và phong trào cách mạng thế giới.

Đầu năm 1947, ở các nước Đông Âu, chính quyền dần chuyển vào tay những người cộng sản và nhân dân lao động. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, phong trào du kích do đảng cộng sản lãnh đạo phát triển mạnh mẽ. Ở Pháp, Bỉ, I-ta-li-a, đại diện các đảng cộng sản tham gia chính phủ và thúc đẩy các cải cách tiến bộ. Ở Trung Quốc, lực lượng Đảng Cộng sản đang giành được nhiều thắng lợi.

Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man đã phát động cuộc Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Để triển khai chiến lược này, Mỹ công bố kế hoạch Mác-san (6-1947), thành lập các liên minh quân sự như Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949), Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO, 1954),...

Hình 8. Công nhân Cộng hoà Dân chủ Đức gia cố bức tường Béc-lin (1961)

Với sự ra đời của Học thuyết Tơ-ru-man (Mỹ), Học thuyết Đa-nốp (Liên Xô) và sự thành lập của các khối quân sự và kinh tế đối lập ở cả hai phía Mỹ và Liên Xô, cuộc đối đầu giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đã kéo dài từ năm 1947 đến năm 1989.

Đáp trả chính sách của các nước tư bản phương Tây, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV, 1949) và liên minh quân sự mang tên Tổ chức Hiệp ước Vác-xa-va (5-1955).

• ***Đặc điểm***

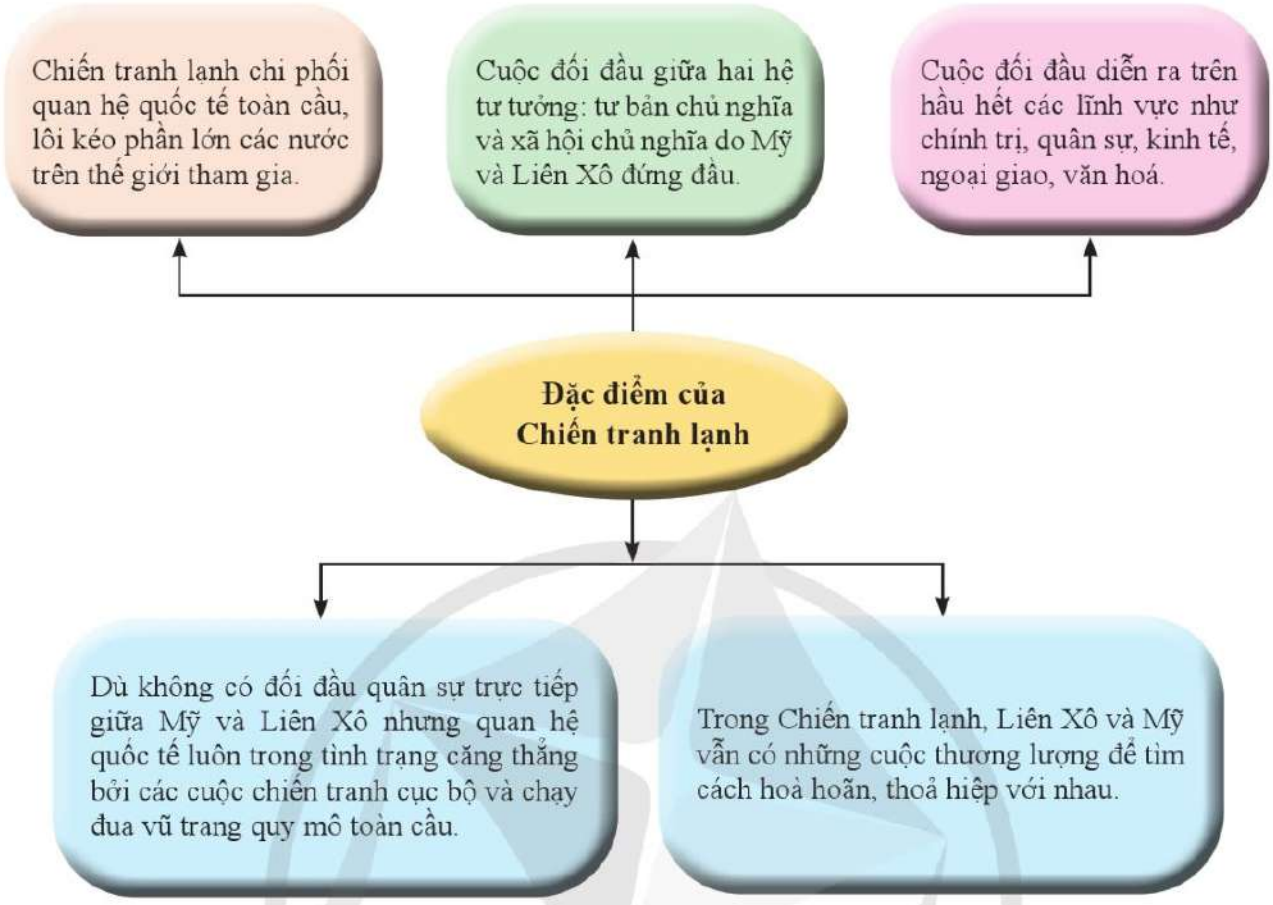

Hình 9. Sơ đồ đặc điểm của Chiến tranh lạnh

? *Nêu những nét chính về nguyên nhân và đặc điểm của Chiến tranh lạnh.*

b) Hậu quả

• ***Đối với thế giới***

Chiến tranh lạnh đưa đến việc phân chia thế giới thành hai hệ thống đối lập về ý thức hệ và chính trị, quân sự: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa; làm cho quan hệ quốc tế trong giai đoạn 1947 – 1989 trở nên căng thẳng bởi các cuộc xung đột quân sự cục bộ, chạy đua vũ trang toàn cầu.

Nhiều quốc gia, dân tộc bị lôi cuốn vào vòng xoáy của Chiến tranh lạnh, gây ra các cuộc chiến tranh cục bộ, nội chiến đã bùng nổ, như chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Đông Dương, chiến tranh Áp-ga-ni-xtan,... Chiến tranh lạnh gây ra tình trạng chia cắt lãnh thổ tại nhiều quốc gia, tạo ra các khối quân sự đối lập và tình trạng đối đầu căng thẳng ở hầu khắp các khu vực trên thế giới.

Chiến tranh lạnh dẫn tới cuộc chạy đua vũ trang trong nhiều năm giữa Liên Xô và Mỹ, làm suy yếu tiềm lực của các siêu cường, gây thiệt hại to lớn về sức người, sức của giữa các bên. Các quốc gia bị lôi kéo vào vòng xoáy chiến tranh và các liên minh quân sự cũng chịu thiệt hại to lớn.

• ***Đối với Việt Nam***

Chiến tranh lạnh tác động trực tiếp đến công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam trong thế kỉ XX. Chiến tranh lạnh thúc đẩy việc quốc tế hoá các cuộc xung đột ở Đông Dương và Việt Nam, làm cho quy mô chiến tranh mở rộng, thời gian kéo dài và tính chất phức tạp.

Chiến tranh lạnh gây ra tình trạng chia cắt lãnh thổ tại Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975. Nhân dân hai miền Nam, Bắc đã phải hi sinh nhiều sức người, sức của để chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc và thống nhất đất nước.

Sau năm 1975, Chiến tranh lạnh cũng gây ra nhiều khó khăn cho Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là hậu quả từ chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ.

Đọc thông tin, đánh giá những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

c) Nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động

• ***Nguyên nhân kết thúc***

Những tổn thất của Mỹ và Liên Xô do tham gia vào cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn 4 thập kỉ đã làm suy yếu sức mạnh của hai nước. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, Liên Xô lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng và phải tiến hành công cuộc cải tổ.

Trong bối cảnh cạnh tranh Xô – Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu và nhóm nước mới công nghiệp hoá (NICs) đã tận dụng thời cơ vươn lên về kinh tế, khoa học kĩ thuật. Sự cạnh tranh của các nền kinh tế mới nổi đặt ra yêu cầu cần kết thúc Chiến tranh lạnh với cả Liên Xô và Mỹ.

Tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật, xu thế toàn cầu hoá và hoà hoãn trên thế giới cũng đặt ra yêu cầu hợp tác của Mỹ và Liên Xô để cùng giải quyết, điều này góp phần thúc đẩy hai nước tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Sau khi Bức tường Béc-lin sụp đổ, Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp đã có cuộc gặp thượng đỉnh tại đảo Man-ta (12-1989) và tuyên bố kết thúc Chiến tranh lạnh.

Hình 10. Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp tại cuộc gặp thượng đỉnh ở đảo Man-ta (1989)

• ***Tác động đối với thế giới***

Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh có tác động lớn tới quan hệ quốc tế và tương quan lực lượng giữa các cường quốc cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI. Chiến tranh lạnh kết thúc đã chấm dứt giai đoạn đối đầu căng thẳng giữa hai hệ thống chính trị đối lập được dẫn dắt bởi Liên Xô và Mỹ, mở ra giai đoạn hoà bình, hoà hoãn trong lịch sử quan hệ quốc tế. Sự hợp tác giữa Liên Xô và Mỹ đã dẫn tới việc giải thể khối quân sự Vác-xa-va. Liên Xô thực hiện chính sách không can thiệp vào các nước Đông Âu.

Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh và suy yếu của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã thúc đẩy sự chuyển dịch của quan hệ quốc tế, từ trật tự thế giới hai cực chuyển dần sang trật tự thế giới đa cực với vai trò chi phối của Mỹ và các cường quốc phương Tây.

Chiến tranh lạnh kết thúc đã tác động tới quá trình hợp tác quốc tế và khu vực trên thế giới. Các nước trên thế giới, trước hết là năm nước trong Hội đồng bảo an Liên hợp quốc đã có điều chỉnh trong chính sách đối ngoại, từng bước chuyển từ thế đối đầu hai cực Liên Xô – Mỹ sang đối thoại, hợp tác; từ đó mở ra cơ sở giải quyết hoà bình nhiều cuộc xung đột quốc tế. Nhiều tổ chức quốc tế, khu vực đã ra đời, thúc đẩy quá trình hội nhập của nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước tiến hành cải cách, mở cửa, thay đổi mô hình phát triển.

"Thế giới đang rời bỏ một thời đại để bước vào một thời đại khác. Chúng ta đang ở điểm khởi đầu của một con đường dài tiến tới kỉ nguyên hoà bình bền vững".

(Phát biểu của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp năm 1989)

• ***Tác động đối với Việt Nam***

Hình 11. Sơ đồ tác động của sự kết thúc Chiến tranh lạnh đối với Việt Nam

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình 10, 11, phân tích nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.*

2. Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh

a) Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực

Chiến tranh lạnh dẫn tới tình trạng bất ổn ở nhiều khu vực trên thế giới sau năm 1991 như bán đảo Triều Tiên, khu vực Trung Đông, bán đảo Ban-căng,... Sau Chiến tranh lạnh, các cường quốc tìm cách xác lập trật tự quốc tế mới bằng cách củng cố lợi ích chiến lược tại nhiều khu vực trên thế giới, đặc biệt là ở châu Á – Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Trung Đông, châu Phi. Điều này gây ra những xung đột mới trong quan hệ quốc tế.

Các cuộc nội chiến và xung đột quân sự khu vực tiêu biểu trong thời hậu Chiến tranh lạnh là Chiến tranh vùng Vịnh, Chiến tranh Bốt-xni-a, Chiến tranh Kô-sô-vô.

Chiến tranh vùng Vịnh (1990 – 1991) khởi nguồn từ mâu thuẫn giữa I-rắc và Cô-oét. Tháng 8-1990, I-rắc xâm lược Cô-oét. Liên hợp quốc ngay lập tức áp đặt trừng phạt kinh tế đối với chính quyền của Tổng thống I-rắc Sát-đam Hút-xen. Mỹ và đồng minh sau đó đã mở chiến dịch Bão táp sa mạc, buộc I-rắc phải ngừng chiến và rút quân về nước.

Hình 12. Các giếng dầu của Cô-oét bị đốt cháy khi quân I-rắc rút lui (1991)

Chiến tranh Bốt-xni-a (1992 – 1995) và Chiến tranh Kô-sô-vô (1998 – 1999) là hệ quả từ sự sụp đổ của nước Cộng hoà Liên bang xã hội chủ nghĩa Nam Tư, vốn bao gồm 6 nước cộng hoà và 2 tỉnh tự trị.

Chiến tranh Bốt-xni-a diễn ra khi nước cộng hoà đa sắc tộc Bốt-xni-a và Héc-ra-gô-vi-na tuyên bố độc lập. Người Séc-bi theo Chính thống giáo đã tiến hành cuộc chiến tranh đẫm máu chống lại người Bốt-xni-a theo Hồi giáo, gây ra cái chết của khoảng 20 000 người.

Chiến tranh Kô-sô-vô diễn ra tại nước Cộng hoà Xéc-bi-a và Môn-te-nơ-grô khi người Séc-bi tiến hành cuộc chiến đàn áp người An-ba-ni theo Hồi giáo ở Kô-sô-vô. Lo ngại về một cuộc diệt chủng như đã diễn ra ở Bốt-xni-a, NATO và Liên hợp quốc đã can thiệp, buộc người Xéc-bi phải ngừng chiến và đặt Kô-sô-vô dưới sự bảo trợ quốc tế.

? *Đọc thông tin và quan sát Hình 12, nêu nét chính về các cuộc nội chiến và xung đột quân sự khu vực sau Chiến tranh lạnh.*

b) Cuộc chiến tranh chống khủng bố toàn cầu

• Cuộc tấn công khủng bố ngày 11-9-2001

Ngày 11-9-2001, 19 thành viên An Kê-đa (một tổ chức đa quốc gia của chiến binh Hồi giáo dòng Săn-ni) đã cướp bốn máy bay và tấn công tự sát vào các mục tiêu kinh tế, quân sự và chính trị tại Mỹ: Trung tâm Thương mại Thế giới và Lầu Năm Góc. Riêng tại Toà tháp đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới, gần 3 000 người đã bị thiệt mạng. Cuộc tấn công ngày 11-9-2001 đánh dấu một trong những sự kiện khủng bố đẫm máu nhất từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

Hình 13. Toà tháp đôi Trung tâm Thương mại Thế giới (Niu Y-oóc, Mỹ) bị tấn công khủng bố (2001)

• Cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ

Sau sự kiện ngày 11-9, Mỹ phát động cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, mục tiêu ban đầu là nhắm vào Ô-sa-ma bin La-đen và tổ chức khủng bố An Kê-đa, sau đó mở rộng quy mô tới nhiều khu vực, trong đó có cuộc chiến tại Áp-ga-ni-xtan, I-rắc, Li-bi, Yê-men, Pa-ki-xtan,...

Chiến tranh Áp-ga-ni-xtan (2001 – 2021) do Mỹ và đồng minh phát động nhằm lật đổ chính quyền Ta-li-ban và thiết lập nhà nước Cộng hoà Hồi giáo Áp-ga-ni-xtan. Tuy nhiên, lực lượng Ta-li-ban đã tiến hành chiến tranh du kích trong nhiều năm, gây thiệt hại lớn cho quân Mỹ và chính quyền thân phương Tây. Tháng 8-2021, Mỹ rút quân khỏi Áp-ga-ni-xtan, lực lượng Ta-li-ban quay trở lại nắm quyền.

Hình 14. Quân Mỹ và người Áp-ga-ni-xtan rút chạy khỏi Ka-bun (8-2021)

Chiến tranh I-rắc (2003 – 2011) do Mỹ và đồng minh phát động nhằm lật đổ chính quyền của Tổng thống Sát-đam Hút-xen. Tuy nhiên, chính quyền mới do phương Tây hỗ trợ đã hoạt động kém hiệu quả, mất ảnh hưởng trên nhiều vùng lãnh thổ, dẫn tới sự trỗi dậy của tổ chức khủng bố tự xưng Nhà nước Hồi giáo (IS).

Đọc thông tin và quan sát các hình 13, 14, trình bày những nét chính về cuộc tấn công khủng bố ngày 11-9-2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ.

3. Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới

a) Đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh

Phong trào đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh bắt đầu từ những năm 50 của thế kỉ XX với cuộc vận động chống phổ biến vũ khí nguyên tử diễn ra ở Nhật Bản, châu Âu, Bắc Mỹ,... Tại nhiều quốc gia Tây Âu, người dân đã xuống đường phản đối Mỹ triển khai các hệ thống tên lửa và vũ khí hạt nhân trong khu vực.

Ngày 25-4-1949, Đại hội Hoà bình thế giới được tổ chức tại thành phố Pa-ri (Pháp) với sự tham dự của hơn 2 000 đại biểu đến từ 75 quốc gia. Từ sự kiện này, Hội đồng Hoà bình Thế giới (WPC) đã ra đời năm 1950.

WPC đóng vai trò tích cực thúc đẩy giải trừ quân bị, ủng hộ độc lập, chủ quyền của các quốc gia, chống chiến tranh hạt nhân và bất bình đẳng trên thế giới. Năm 1950, WPC ra tuyên bố lên án vũ khí nguyên tử và cuộc chiến tranh Triều Tiên. Những năm 1960, WPC tổ chức cuộc vận động chống chiến tranh Việt Nam, tăng cường hợp tác với Phong trào Không liên kết. WPC cũng ủng hộ xu thế hoà hoãn giữa Liên Xô và Mỹ trong những năm 80 của thế kỉ XX, góp phần đưa tới sự kết thúc của Chiến tranh lạnh.

Hình 15. Bức tượng "Biến gươm đao thành lưỡi cày" tại trụ sở Liên Hợp Quốc (Niu Y-oóc, Mỹ)

"Hoà bình không chỉ là chống chiến tranh, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh thế giới mà còn phải giải quyết xung đột khu vực bằng hoà bình, phát triển bền vững, cùng nhau giải quyết các vấn đề toàn cầu".

(Tuyên bố của Đại hội Hội đồng Hoà bình Thế giới tại Ba-den (Thuỵ Sĩ) năm 1993)

? *Trình bày nét chính về cuộc đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh.*

b) Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa diễn ra mạnh mẽ. Nhiều nước đã ủng hộ quá trình phi thực dân hoá, đưa đến việc Liên hợp quốc thông qua nghị quyết của Đại hội đồng *"Tuyên bố về việc trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa"* (1960). Đến cuối những năm 1970, hầu hết các nước thuộc địa trên thế giới đã được giải phóng khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

"Điều 2. Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết; nhờ có quyền đó, họ được tự do quyết định địa vị chính trị, và tự do theo đuổi phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá.

Điều 4. Tất cả các hành động quân sự hay biện pháp có tính chất áp bức thuộc mọi hình thức trực tiếp chống lại một dân tộc độc lập sẽ bị xoá bỏ...".

(Tuyên bố về việc trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa của Liên Hợp Quốc (1960))

Từ đầu những năm 60 của thế kỉ XX, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã từng bước thu hút được sự chú ý của dư luận thế giới. Năm 1965, biểu tình được đã nổ ra tại nhiều quốc gia nhằm lên án Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam. Đại hội Hoà bình thế giới tại Hen-xin-ki (Phần Lan, 1965) đã kêu gọi Mỹ rút hết quân khỏi Việt Nam.

Tại Mỹ, phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam (1964 – 1973) đã trở thành một cuộc vận động xã hội rộng lớn thu hút nhiều thành phần xã hội tham gia, đặc biệt là thanh niên, sinh viên, cựu chiến binh, học giả, người da màu,...

Hình 16. Biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam tại Phơ-ranh Phớt (Đức), 1965

Phong trào phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam cũng diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới từ cuối những năm 60 của thế kỉ XX, đặc biệt là ở các nước châu Âu như Hà Lan, Đức, Pháp, Thuỵ Điển,...

Ngày 15-10-1969, 15 triệu người Mỹ xuống đường biểu tình phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Đây là một trong những cuộc tuần hành lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Ngày 4-5-1970, tại Đại học Ken Xơ-tây (bang Ô-hai-ô), 4 sinh viên bị bắn chết và 9 người khác bị thương khi lực lượng Vệ binh quốc gia nổ súng vào những người biểu tình phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Sự kiện này được người Mỹ gọi là Cuộc thảm sát ngày 4-5.

Hình 17. Cuộc tuần hành tại Lầu Năm Góc (Mỹ) phản đối chiến tranh Việt Nam (1967)

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình 16, 17, nêu nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

c) Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh

Khi Mỹ và đồng minh mở rộng cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, an ninh và chủ quyền của nhiều quốc gia bị đe doạ. Phong trào biểu tình chống chiến tranh tiếp tục diễn ra trên thế giới. Bên cạnh đó, nguy cơ chiến tranh vẫn đang tiềm ẩn tại nhiều khu vực, như vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên; xung đột giữa I-xra-en và Pa-le-xtin; bạo lực sắc tộc, tôn giáo ở Trung Đông; bán đảo Ban-căng,... Điều này tiếp tục thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, công bằng và tiến bộ xã hội.

Hình 18. Biểu tình chống chiến tranh I-rắc tại Luân Đôn, Anh

Phong trào phản đối hành động quân sự của Mỹ tại I-rắc và Áp-ga-ni-xtan đã thu hút sự tham gia của đông đảo người dân ở nhiều nơi. Trong hai ngày 15 và 16-2-2003, hơn 600 thành phố trên thế giới đã tổ chức tuần hành chống cuộc chiến tranh Mỹ gây ra ở I-rắc. Đây là một trong các sự kiện phản chiến lớn nhất trong lịch sử với sự tham gia của khoảng 6 đến 10 triệu người từ 60 quốc gia trên khắp thế giới.

Giải thích vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

1. So sánh nguyên nhân và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới. Theo em, vì sao có sự khác nhau đó?

2. Đọc thông tin, tư liệu và quan sát kênh hình trong bài, hoàn thành bảng sau về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới:

Thời gian	Các nguy cơ chiến tranh và xung đột	Cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình	Kết quả của cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình
1918 – 1945	?	?	?
1947 – 1991	?	?	?
1991 – nay	?	?	?

3. Theo em, cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong thế kỉ XX đã có những đóng góp gì đối với lịch sử nhân loại?

CHUYÊN ĐỀ 3 DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

- ✓ *Giải thích được khái niệm danh nhân và nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.*
- ✓ *Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng, danh nhân quân sự, danh nhân văn hoá, danh nhân trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.*
- ✓ *Nêu được nhận xét về những đóng góp và đánh giá được vai trò của danh nhân trong lịch sử Việt Nam.*
- ✓ *Có ý thức trân trọng những đóng góp của các danh nhân tiêu biểu trên các lĩnh vực trong lịch sử dân tộc.*

Ca ngợi công lao các anh hùng dân tộc – những danh nhân tiêu biểu của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *"Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng".*

Hình 1. Hai Bà Trưng ra trận (tranh dân gian Đông Hồ)

Vậy thế nào là danh nhân? Danh nhân tiêu biểu có vai trò và đóng góp như thế nào trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc?

I. Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc

1. Khái niệm danh nhân

Danh nhân là người nổi tiếng, có cống hiến nổi bật, có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng và được xã hội ghi nhận.

Danh nhân có thể là những nhà chính trị, nhà quân sự, nhà văn hoá, nhà khoa học,... tuỳ theo lĩnh vực hoạt động của họ. Trong lịch sử Việt Nam có nhiều nhân vật nổi tiếng được tôn vinh là danh nhân như Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Huệ, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh,...

Nghị quyết của UNESCO về Kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: *"Ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam,..."*.

Hình 2. Chủ tịch Hồ Chí Minh

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, giải thích khái niệm danh nhân.

2. Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc

Trong lịch sử Việt Nam, danh nhân có vai trò quan trọng ở nhiều lĩnh vực.

Bảng 1. Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc

Vai trò của danh nhân	Danh nhân tiêu biểu
Khởi xướng, tập hợp, lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.	Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Võ Nguyên Giáp,...
Đứng đầu các vương triều, chính quyền; đề ra đường lối, chính sách, lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước.	Đinh Bộ Lĩnh, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Hồ Chí Minh...
Có nhiều đóng góp về văn hoá, giáo dục, tạo ra những phát minh, sáng chế, sáng lập các trường phái tư tưởng,... góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá và khoa học, kĩ thuật nước nhà.	Trần Nhân Tông, Lê Văn Hưu, Chu Văn An, Tuệ Tĩnh, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,...

Nêu những nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Lấy ví dụ cụ thể.

II. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời kì trung đại

1. Đinh Bộ Lĩnh (924 – 979)

Đinh Bộ Lĩnh quê ở thôn Kim Lự, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Cha của ông là Đinh Công Trứ – nha tướng của Dương Đình Nghệ, giữ chức Thứ sử Hoan Châu.

• ***Dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước***

Năm 944, Ngô Quyền mất, các thế lực hào trưởng địa phương nổi dậy khắp nơi, đất nước lâm vào tình trạng phân tán, cát cứ. Trước tình hình đó, được sự ủng hộ của nhân dân và sự vận dụng khôn khéo kế sách chính trị, quân sự, Đinh Bộ Lĩnh lần lượt thu phục, đánh dẹp các sứ quân, thống nhất đất nước.

• ***Sáng lập nhà Đinh, củng cố chính quyền, phát triển đất nước***

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt, lấy niên hiệu là Thái Bình, đóng đô tại Hoa Lư (Ninh Bình). Sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng ban hành nhiều chính sách để củng cố chính quyền và phát triển đất nước.

> *"[Đinh] Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng lược, mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết. Vua mở nước dựng đô, đổi xưng hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đầy đủ".*
>
> (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, tr.211)

Ngoài Hoa Lư (Ninh Bình), nhiều địa phương trên cả nước cũng lấy tên Đinh Tiên Hoàng đặt tên cho đường phố, trường học.

Hình 3. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng tại Hoa Lư (Ninh Bình)

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 3:
– Trình bày thân thế, sự nghiệp của Đinh Bộ Lĩnh.
– Đánh giá vai trò của Đinh Bộ Lĩnh đối với lịch sử dân tộc.

2. Lê Thánh Tông (1442 – 1497)

Lê Thánh Tông là cháu của vua Lê Thái Tổ, con thứ tư của vua Lê Thái Tông. Ông lên ngôi năm 1460 khi 18 tuổi, đặt niên hiệu là Quang Thuận, năm 1470 đổi niên hiệu là Hồng Đức.

• ***Nhà cải cách lớn thời Lê sơ***

Trong 38 năm trị vì, Lê Thánh Tông đã từng bước đưa triều Lê sơ phát triển tới đỉnh cao, đặc biệt là nhà vua đã tiến hành công cuộc cải cách, tổ chức lại bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương. Năm 1483, Lê Thánh Tông cho ban hành bộ *Quốc triều hình luật* (*Luật Hồng Đức*). Đây là thành tựu lập pháp quan trọng của Đại Việt thời Lê sơ.

Lê Thánh Tông còn có công mở rộng bờ cõi Đại Việt, ban hành nhiều chính sách tích cực như chính sách "quân điền", đẩy mạnh khai khẩn đất hoang, lập đồn điền,...

• ***Nhà văn hoá lớn***

Dưới thời Lê Thánh Tông, giáo dục – khoa cử được quan tâm đặc biệt. Quốc Tử Giám được mở rộng. Các kì thi Hương, thi Hội, thi Đình được quy định chặt chẽ và tổ chức đều đặn.

Trong 38 năm trị vì của vua Lê Thánh Tông, triều đình đã tổ chức 12 khoa thi. Trong số 82 bia Tiến sĩ thời Lê, Mạc tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội), có 7 tấm bia đầu tiên do vua Lê Thánh Tông cho dựng năm 1484.

Lê Thánh Tông còn là một nhà thơ lớn. Ông và các văn thần để lại nhiều tác phẩm thơ ca có giá trị, tiêu biểu như *Hồng Đức quốc âm thi tập*, *Quỳnh uyển cửu ca*, *Minh lương cẩm tú*, *Văn minh cổ xuý*, *Cổ tâm bách vịnh*,...

Hình 4. Nhà bia tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

Sử thần Vũ Quỳnh nhận xét: "*Vua tư trời cao siêu, anh minh, quyết đoán, có hùng tài, đại lược, võ giỏi văn hay mà cái học của thánh hiền lại đặc biệt siêng năng, tay không lúc nào rời quyển sách*".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 3, NXB Khoa học xã hội, tr.519)

Trình bày thân thế, sự nghiệp của Lê Thánh Tông qua khai thác thông tin, tư liệu trong mục và rút ra nhận xét về đóng góp của ông đối với dân tộc.

III. Một số danh nhân quân sự Việt Nam

1. Ngô Quyền (898 – 944)

Ngô Quyền được sinh ra trong một dòng họ có thế lực ở châu Đường Lâm, cha là Ngô Mân, làm chức châu mục Đường Lâm. Năm 939, sau thắng lợi trước quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938), Ngô Quyền xưng vương, lập ra nhà Ngô.

• ***Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938***

Năm 938, trước ý đồ xâm lược của nhà Nam Hán, Ngô Quyền trực tiếp chỉ huy quân dân chuẩn bị tổ chức kháng chiến.

> *"Nếu sai người đóng cọc lớn, vót nhọn, bịt sắt đóng ngầm ở trước cửa biển, thuyền của bọn chúng nhân theo nước triều lên, vào trong hàng cọc, sẽ dễ bề chế ngự không cho chiếc nào ra thoát".*
>
> (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, tr.53)

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã đập tan hoàn toàn ý đồ xâm lược của nhà Nam Hán, kết thúc hơn một ngàn năm Bắc thuộc.

• ***Xưng vương, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài***

Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội), mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của nước Việt.

> Sử gia Lê Văn Hưu bàn về công lao của Ngô Quyền: *"Tiền Ngô vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đế, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngõ hầu đã nối lại được".*
>
> (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, tr.204 – 205)

Hình 5. Đền thờ Ngô Quyền tại thôn Đường Lâm, Ba Vì, Hà Nội)

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 5, nêu nhận xét về đóng góp của Ngô Quyền trong lĩnh vực quân sự và đánh giá vai trò của ông đối với lịch sử dân tộc.*

2. Trần Quốc Tuấn (1228 – 1300)

Trần Quốc Tuấn sinh tại thôn Tức Mặc (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định), là con của An Sinh vương Trần Liễu và là cháu của vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh).

• ***Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên***

Trong cả ba lần quân Mông – Nguyên xâm lược Đại Việt, Trần Quốc Tuấn đều được các vua Trần cử làm tướng chỉ huy. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến lần thứ hai và lần thứ ba, ông được vua Trần Nhân Tông phong làm Quốc công Tiết chế, tổng chỉ huy các đạo quân thuỷ, bộ. Dưới sự lãnh đạo của ông, quân dân Đại Việt đã giành thắng lợi lớn ở Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng,... đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân Nguyên (1285), khi quân xâm lược đã chiếm được kinh thành Thăng Long, vua Trần Thánh Tông vờ nói với Trần Quốc Tuấn: *"Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi"*. Trần Quốc Tuấn khảng khái trả lời: *"Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng"*.

• ***Nhà tư tưởng, nhà quân sự lớn***

Trần Quốc Tuấn là nhà quân sự lỗi lạc. Phương châm chiến lược "*dĩ đoản chế trường*", "*quân cốt tinh không cốt đông*" của ông là những tư tưởng quân sự đúng đắn và sáng tạo. Ông đã để lại một số tác phẩm về nghệ thuật quân sự có giá trị, tiêu biểu như *Binh thư yếu lược*, *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*,...

Tư tưởng xuyên suốt của Trần Quốc Tuấn là tinh thần đoàn kết và yêu thương dân chúng, ông coi đó nguồn gốc tạo nên sức mạnh giữ nước.

Năm 1300, Trần Quốc Tuấn ốm nặng, vua Trần Anh Tông đến thăm, hỏi rằng: "*Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?*". Ông trả lời: "*... Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước giúp sức, giặc phải bị bắt... Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy*".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, tr.79)

Hình 6. Tượng đài Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn (Nam Định)

Sau khi Trần Quốc Tuấn qua đời (1300), triều đình phong ông là Thái sư Thượng phụ Quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo đại vương, nhân dân suy tôn ông là Đức Thánh Trần.

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 6, cho biết:
– Những nét chính về thân thế, sự nghiệp và đóng góp của Trần Quốc Tuấn.
– Vì sao Trần Quốc Tuấn được suy tôn là Đức Thánh Trần?

3. Nguyễn Huệ (1753 – 1792)

Nguyễn Huệ được sinh ra tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), là con trai thứ hai của Hồ Phi Phúc (Nguyễn Phi Phúc).

• Lãnh đạo phong trào Tây Sơn, lật đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn

Năm 1771, khi 18 tuổi, Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa. Nhờ có sách lược khôn khéo và sự ủng hộ của nhân dân, từ năm 1771 đến năm 1788, nghĩa quân đã lần lượt lật đổ chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, tiêu diệt chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, bước đầu xoá bỏ tình trạng chia cắt lãnh thổ, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất đất nước.

• Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc

Cuối năm 1784, 5 vạn quân Xiêm kéo vào Gia Định. Đầu năm 1785, Nguyễn Huệ chủ động cho quân mai phục chặn đánh địch ở Rạch Gầm – Xoài Mút. Chỉ trong vòng một ngày, quân Tây Sơn đã tiêu diệt hầu hết quân Xiêm.

Cuối năm 1788, nhà Thanh điều động 29 vạn quân tràn vào Đại Việt. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế ở Phú Xuân, lấy hiệu là Quang Trung, rồi hạ lệnh xuất quân ra Bắc.

Với lối đánh chủ động, thần tốc và quyết liệt, với sự chỉ huy của Quang Trung, nghĩa quân Tây Sơn nhanh chóng hạ đồn Gián Khẩu, Hà Hồi rồi tấn công Ngọc Hồi và Đống Đa, đánh bại quân Thanh, đập tan hoàn toàn mưu đồ xâm lược của nhà Thanh.

Tại Thọ Hạc (Thanh Hoá), Quang Trung tổ chức lễ tuyên thệ, đứng trước ba quân, Quang Trung đọc hiểu dụ: "*Đánh cho để dài tóc/ Đánh cho để đen răng/ Đánh cho nó chích luân bất phản/ Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn/ Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*".

Hình 7. Tượng đài Quang Trung – Nguyễn Huệ tại Di tích Quốc gia Đặc biệt Gò Đống Đa (Hà Nội)

Sau khi chiến thắng quân Thanh, Quang Trung thiết lập vương triều mới, định đô ở Phú Xuân. Trong thời gian trị vì, ông đã ban hành nhiều chính sách tiến bộ nhằm ổn định và phát triển đất nước, như ban Chiếu khuyến nông, Chiếu khuyến học, Chiếu cầu hiền,...

Đọc thông tin, tư liệu trong mục 3, cho biết những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Quang Trung – Nguyễn Huệ và đánh giá vai trò của ông đối với lịch sử dân tộc.

4. Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013)

Võ Nguyên Giáp quê ở làng An Xá, tổng Đại Phong Lộc (nay là xã Lộc Thuỷ, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình) trong một gia đình nhà nho giàu truyền thống yêu nước, ông nội từng tham gia phò tá vua Hàm Nghi trong phong trào Cần vương.

• ***Vị tướng tài năng***

Ngày 22-12-1944, theo lệnh của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với 34 chiến sĩ đầu tiên. Đây là tổ chức tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đưa ra những quyết sách đúng đắn, sáng tạo, trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch lớn. Đặc biệt, tên tuổi của ông gắn liền với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), góp phần tạo nên kì tích quân sự Việt Nam ở thế kỉ XX.

Ngày 26-1-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình, đó là thay đổi phương châm tác chiến, từ "Đánh nhanh, thắng nhanh" sang "Đánh chắc, tiến chắc". Quyết định sáng suốt của ông đã góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Hình 8. Võ Nguyên Giáp (bên trái) trong buổi lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (22-12-1944)

• ***Nhà tư tưởng, nhà quân sự lớn***

Trong cuộc đời hoạt động của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, tiêu biểu như *Đội quân giải phóng*, *Từ nhân dân mà ra*, *Điện Biên Phủ*, *Những năm tháng không thể nào quên*, *Chiến đấu trong vòng vây*,... Tư tưởng quân sự xuyên suốt của ông là chiến tranh nhân dân, chú trọng nghệ thuật lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh.

"Đến người Pháp rồi đến lượt người Mỹ bối rối trước cách đánh của Tướng Giáp, ông trở thành bậc thầy về chiến thuật, hậu cần và chiến lược. Ông sáng tạo một kiểu chiến tranh mà cả Pháp lẫn Mỹ không thể đánh bại".

(B. Cu-rey, *Chiến thắng bằng mọi giá – Thiên tài quân sự Việt Nam Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, NXB Thế giới, tr.450)

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 8, trình bày những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp và vai trò của Võ Nguyên Giáp đối với lịch sử dân tộc.*

IV. Một số danh nhân văn hoá Việt Nam

1. Trần Nhân Tông (1258 – 1308)

Trần Nhân Tông tên thật là Trần Khâm, là hoàng tử trưởng của vua Trần Thánh Tông. Ông trị vì từ năm 1278 đến năm 1293, sau đó nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông và lên làm Thái thượng hoàng.

• ***Nhà thơ, nhà văn hoá lớn***

Trong sự nghiệp của mình, Trần Nhân Tông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị thuộc lĩnh vực triết học, lịch sử, Phật giáo, văn học,... tiêu biểu như *Trùng Hưng thực lục* và các bài thơ được tập hợp trong *Trần Nhân Tông thi tập*.

• ***Người sáng lập Thiền phái Phật giáo Trúc Lâm***

Sau một thời gian làm Thái thượng hoàng, Trần Nhân Tông xuất gia tu hành, trở thành vị sư tổ sáng lập Thiền phái Phật giáo Trúc Lâm. Tư tưởng trung tâm trong nhân sinh quan của Trần Nhân Tông là "cư trần lạc đạo", thấu hiểu lẽ đời, ung dung, tự tại, hoà mình, đồng cảm với đồng loại, với thiên nhiên.

"Sớm xuân
Ngủ dậy, mở cửa trông
Nào hay xuân mênh mông
Kìa một đôi bướm trắng
Vỗ vỗ cánh vờn bông".

(*Thơ văn Lý – Trần*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, tr.453)

Trần Nhân Tông còn là nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao xuất sắc, góp phần gìn giữ mối quan hệ hoà hiếu với Chăm-pa và mở mang bờ cõi Đại Việt.

"Tính vua nhân từ, có trí lược, thương dân, ơn huệ cố kết lòng dân. Đời vua, quân Nguyên hai lần xâm phạm. Vua chọn tướng, rèn quân rồi bình được giặc lớn. Cái công trùng hưng rực rỡ hơn trước".

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Giáo dục, tr.232)

Hình 9. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông tại Yên Tử (Quảng Ninh)

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 9, cho biết:

– Vài nét về thân thế, sự nghiệp và đóng góp của Trần Nhân Tông đối với lịch sử dân tộc.

– Vì sao Trần Nhân Tông được suy tôn là Phật hoàng?

2. Nguyễn Trãi (1380 – 1442)

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), sau dời đến thôn Nhị Khê (nay thuộc huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); là con của danh sĩ Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đậu Thái học sinh dưới triều Hồ.

• ***Nhà chính trị – quân sự, nhà tư tưởng lớn***

Nguyễn Trãi là người tham gia tích cực cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống quân xâm lược Minh. Tư tưởng chính trị, quân sự sáng suốt và tài ngoại giao của ông đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

Hình 10. Nguyễn Trãi (tranh vẽ)

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh, Nguyễn Trãi đã dâng lên chủ tướng Lê Lợi tập *Bình Ngô sách*, vạch ra "Ba kế sách dẹp giặc Ngô". Nguyễn Trãi cũng là người soạn *Bình Ngô đại cáo*, tổng kết cuộc đấu tranh chống quân xâm lược Minh của quân dân Đại Việt.

Nguyễn Trãi được coi là một nhà tư tưởng lớn của Việt Nam. Nét nổi bật trong tư tưởng của ông là sự hoà quyện giữa Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, xuyên suốt là tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân, yêu hoà bình.

• ***Nhà văn, nhà thơ lớn***

Nguyễn Trãi để lại nhiều tác phẩm văn chương bằng chữ Hán và chữ Nôm gồm nhiều thể loại trên các lĩnh vực văn học, lịch sử, địa lí, luật pháp, lễ nghi,... tiêu biểu như *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Phú núi Chí Linh*, *Lam Sơn thực lục*, *Dư địa chí*, *Ức Trai thi tập*, *Quốc âm thi tập*,...

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo
Xét như nước Việt ta từ trước
Thực là một nước văn hiến".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 3, NXB Khoa học xã hội, tr.354)

Ca ngợi Nguyễn Trãi, vua Lê Thánh Tông viết: *"Ức Trai tiên sinh, đương lúc Thái Tổ mới sáng nghiệp theo về Lỗi Giang, trong thì bàn kế hoạch ở nơi màn trướng, ngoài thì thảo văn thư dụ các thành; văn chương tiên sinh làm vẻ vang cho nước, lại được vua yêu tin quý trọng".*

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Giáo dục, tr.277)

Đọc thông tin, tư liệu, trình bày những nét chính về thân thế sự nghiệp và nêu nhận xét về vai trò của Nguyễn Trãi đối với lịch sử dân tộc.

3. Nguyễn Du (1766 – 1820)

Nguyễn Du tên chữ là Tố Như, quê ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (tỉnh Hà Tĩnh). Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn chương và nghệ thuật, cha là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm.

• ***Nhà thơ lớn – tác giả "Truyện Kiều"***

Trong sự nghiệp sáng tác của mình, Nguyễn Du đã để lại một di sản văn chương đồ sộ với những tác phẩm nổi tiếng bằng chữ Hán (tiêu biểu như *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm*,...) và chữ Nôm (như *Văn tế thập loại chúng sinh*, *Văn chiêu hồn*,...). Trong đó *Truyện Kiều* được xem là một kiệt tác trong nền văn học Việt Nam.

Truyện Kiều là truyện thơ Nôm gồm 3 254 câu thơ, được viết theo thể lục bát. Tác phẩm đã được dịch ra hơn 30 ngôn ngữ với trên 60 bản dịch khác nhau. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã góp phần đưa văn học Việt Nam vượt ra khỏi biên giới quốc gia, trở thành một bộ phận tinh hoa của văn hoá nhân loại.

Thơ của Nguyễn Du ngợi ca vẻ đẹp con người, tình yêu đôi lứa; đề cao tự do, khát vọng công lí, lên án bất công xã hội, phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ và ước mơ giải phóng con người.

• ***Người góp phần đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại Việt Nam***

Những sáng tác của Nguyễn Du là sự kết tinh những thành tựu chữ Hán và chữ Nôm, tổng hợp tinh hoa của nhiều thể loại văn học. Ông là người có tình yêu tiếng Việt sâu sắc. Những tác phẩm chữ Nôm của Nguyễn Du đặc biệt là Truyện Kiều đã góp phần quan trọng vào việc đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của Việt Nam.

Hình 11. Tượng Nguyễn Du tại Tiên Điền (Nghi Xuân, Hà Tĩnh)

"... Trong lịch sử ngôn ngữ và lịch sử văn học Việt Nam, nếu Nguyễn Trãi với "Quốc âm thi tập" là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc thì Nguyễn Du với Truyện Kiều lại là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của nước ta...".

(Đào Duy Anh, *Từ điển Truyện Kiều*, NXB Khoa học xã hội, tr.5)

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 11:*
– Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Nguyễn Du.
– Đánh giá vai trò của Nguyễn Du đối với nền văn học nước nhà.

4. Hồ Xuân Hương (1772 – 1822)

Hồ Xuân Hương sinh tại phường Khán Xuân (quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày nay), cha là Sinh đồ Hồ Phi Diễn, người hương Quỳnh Đôi (nay thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). Thuở nhỏ, Hồ Xuân Hương đã nổi tiếng thông minh và giỏi làm thơ.

• ***"Bà Chúa thơ Nôm"***

Trong sự nghiệp sáng tác của mình, Hồ Xuân Hương đã để lại nhiều áng thơ xuất sắc, tiêu biểu như *Bỡn bà lang khóc chồng*, *Bánh trôi nước*, *Cảnh làm lẽ*, *Cái quạt giấy*,... Hầu hết những bài thơ của bà được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật (tám câu bảy chữ) và thất ngôn tứ tuyệt (bốn câu bảy chữ).

Hồ Xuân Hương được mệnh danh là "Bà Chúa thơ Nôm" vì cách sử dụng chữ Nôm kết hợp giữa phong cách nghệ thuật sáng tạo và nét phóng túng, đậm đà chất văn học dân gian. Đặc biệt, bà còn có biệt tài sử dụng điệp khúc, âm điệu, tiết tấu thích hợp với từng ý, từng hoàn cảnh với lời thơ rất tự nhiên, duyên dáng và giàu khả năng gợi cảm.

• ***Người đề cao tư tưởng bình đẳng nam nữ***

Tư tưởng bình đẳng nam nữ và giải phóng phụ nữ được thể hiện đậm nét trong sáng tác của Hồ Xuân Hương. Thơ của bà phản ánh nghị lực và tinh thần vươn lên của người phụ nữ, khát vọng được yêu thương, hạnh phúc và được khẳng định mình. Hồ Xuân Hương thường mượn những hình ảnh đời thường (cái quạt, con ốc, quả mít,...) để nói về thân phận người phụ nữ, từ đó đả phá chế độ hôn nhân đa thê, chống lại trật tự xã hội phong kiến nam quyền.

"Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đền Thái thú đứng cheo leo.
Ví đây đổi phận làm trai được,
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?"

(Hồ Xuân Hương,
Đề đền Sầm Nghi Đống)

Hình 12. Tượng Hồ Xuân Hương (Quỳnh Lưu, Nghệ An)

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 12, trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp và rút ra nhận xét về đóng góp tiêu biểu của Hồ Xuân Hương trong lĩnh vực văn học.

V. Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo

1. Chu Văn An (1292 – 1370)

Chu Văn An tên thật là Chu An, tự là Linh Triệt, quê ở xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội).

• ***Nhà giáo với triết lí giáo dục nhân văn***

Sau khi thi đỗ Thái học sinh (tiến sĩ), Chu Văn An không ra làm quan mà trở về quê nhà mở trường dạy học. Ông là nhà nho có học vấn sâu rộng, tận tuỵ với nghề dạy học, đã đào tạo được nhiều học trò giỏi, nổi tiếng như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát,...

Dưới thời vua Trần Minh Tông, Chu Văn An được mời về Thăng Long giữ chức Tư nghiệp (tương đương Hiệu trưởng) Quốc Tử Giám. Ông cho mở mang trường học, viết *Tứ thư thuyết ước*, tóm tắt các bộ *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*, *Đại học* và *Trung dung* làm tài liệu dạy học. Triết lí giáo dục nhân văn, không phân biệt giàu nghèo của ông đã có ảnh hưởng lớn đến giáo dục nước nhà.

• ***Tấm gương chính trực, thanh liêm***

Khi vua Trần Dụ Tông lên ngôi, ham mê tửu sắc, lười biếng chính sự, trong triều gian thần liên kết hoành hành. Chu Văn An đã viết *Thất trảm sớ* dâng lên nhà vua đòi chém 7 kẻ nịnh thần. Khi không được chấp thuận, Chu Văn An cáo quan, về Chí Linh (Hải Dương) tiếp tục nghề dạy học. Sau khi mất, Chu Văn An được phối thờ ở Văn Miếu.

> *"Huống chi tư thế đường hoàng mà đạo làm thầy được nghiêm, giọng nói lẫm liệt mà bọn nịnh hót phải sợ. Nghìn năm về sau, nghe phong độ của ông, há không làm cho kẻ điêu ngoa thành liêm chính, người yếu hèn biết tự lập được hay sao?... Ông thực đáng được coi là ông tổ của các nhà nho nước Việt ta mà thờ vào Văn Miếu".*
>
> (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, tr.153)

Hình 13. Tượng Chu Văn An tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát Hình 13, cho biết:*

– Những nét chính về thân thế, sự nghiệp và nêu nhận xét về đóng góp của Chu Văn An đối với dân tộc.

– Việc Chu Văn An được phối thờ ở Văn Miếu chứng tỏ điều gì?

2. Tuệ Tĩnh (1330 – ?)

Tuệ Tĩnh tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, quê ở tổng Văn Thai, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương). Ông sinh ra trong gia đình nghèo, mồ côi cha mẹ từ lúc 6 tuổi. Năm 1351, Tuệ Tĩnh đỗ Thái học sinh. Năm 1374, ông đậu Đệ nhị giáp tiến sĩ (tức Hoàng giáp) nhưng vẫn chuyên tâm nghiên cứu y học, làm thuốc chữa bệnh cứu người.

• ***"Vị thánh thuốc Nam"***

Tuệ Tĩnh có công lao to lớn trong việc xây dựng quan điểm y học độc lập, phù hợp với thực tiễn. Câu nói "*Nam dược trị Nam nhân*" (Thuốc Nam trị bệnh cho người Nam) của ông thể hiện quan điểm biện chứng về mối quan hệ mật thiết giữa con người với môi trường sống xung quanh.

Những năm sinh sống tại quê nhà, Tuệ Tĩnh dốc tâm lực vào việc trồng thuốc, sưu tầm kinh nghiệm chữa bệnh và truyền nghề, dạy nhân dân cách trồng thuốc chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ, phòng tránh bệnh tật,...

• ***Người mở đường cho y học cổ truyền Việt Nam***

Tuệ Tĩnh còn tập trung viết sách để lưu giữ lại những bí quyết, bài thuốc trị bệnh giá trị, nổi tiếng là bộ *Nam dược thần hiệu* chia làm 10 khoa; bộ *Hồng Nghĩa giác tư y thư* (2 quyển), trong đó có bản thảo 500 vị thuốc nam, viết bằng thơ Nôm Đường luật và bài *Phú thuốc Nam* với 630 vị thuốc bằng chữ Nôm. Những bài thuốc của ông được nhiều danh y đời sau kế thừa, phát huy, tiêu biểu là Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác.

Đền Bia tại xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương là một trong ba di tích quốc gia đặc biệt thờ danh y Tuệ Tĩnh. Hiện nay trong đền vẫn lưu câu đối (tạm dịch):

Mở rộng phương Tiên, công tế thế cao bằng Thái Lĩnh.
Sống nhờ cửa Phật, ơn cứu người rộng tựa Cẩm Giang.

Hình 14. Đền Bia (Hải Dương)

Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Tuệ Tĩnh và nêu nhận xét về đóng góp của ông đối với nền y học nước nhà.

3. Lê Quý Đôn (1726 – 1784)

Lê Quý Đôn sinh tại làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) trong một gia đình khoa bảng. Thuở nhỏ, Lê Quý Đôn là người ham học, thông minh, được người đương thời coi là "thần đồng". Sau khi thi đỗ tiến sĩ, Lê Quý Đôn được bổ nhiệm làm quan và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền Lê – Trịnh như Thị độc Hàn lâm viện, Tả thị lang bộ Lại, Thị lang bộ Hộ, Thượng thư bộ Công,...

• ***Nhà bác học lỗi lạc***

Lê Quý Đôn được coi là nhà bác học lỗi lạc của Việt Nam thời kì trung đại, ông đã để lại cho đời sau khoảng 40 công trình khảo cứu có giá trị trên nhiều lĩnh vực, có đóng góp to lớn cho nền văn hiến nước nhà, tiêu biểu như *Vân đài loại ngữ*, *Đại Việt thông sử*, *Phủ biên tạp lục*, *Kiến văn tiểu lục*, *Bắc sứ thông lục*, *Toàn Việt thi lục*, *Quế Đường văn tập*, *Quế Đường thi tập*,...

Sách *Vân đài loại ngữ* là bách khoa thư tập hợp các tri thức về triết học, khoa học, văn học,... Bộ sách đạt tới trình độ phân loại, hệ thống hoá, khái quát hoá cao, đánh dấu bước tiến vượt bậc trong nền khoa học Việt Nam thời kì trung đại.

• ***Vị quan tài năng***

Là người có tài ứng đáp văn chương, Lê Quý Đôn từng được triều đình nhiều lần cử đi sứ sang nhà Thanh. Ông cũng từng dâng kế sách trị nước cho triều đình, tiêu biểu như bốn điều về việc trị đạo (sửa đổi đường lối bổ quan, chức vụ của các quan, thuế khoá nhà nước, phong tục của dân).

> *"Bình sinh* [Lê Quý Đôn] *làm sách rất nhiều. Bàn về kinh sử thì sâu sắc, rộng rãi, mà nói về điển cố thì đầy đủ rõ ràng. Cái sở trường của ông vượt hơn cả, nổi tiếng trên đời. Văn thơ ông làm ra gọi là "Quế Đường tập" có mấy quyển".*
>
> (Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Giáo dục, tr.467)

Hình 15. Từ đường thờ Lê Quý Đôn tại xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

? *Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp và rút ra nhận xét về đóng góp của Lê Quý Đôn đối với nền khoa học của Việt Nam.*

1. Trình bày khái quát những nét chính về khái niệm danh nhân và vai trò của các danh nhân đối với lịch sử Việt Nam.
2. Lập bảng thống kê các danh nhân tiêu biểu của Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hoá, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ và đóng góp của họ đối với dân tộc theo mẫu sau:

Tên danh nhân	Lĩnh vực hoạt động	Đóng góp tiêu biểu
?	?	?
?	?	?

3. Sưu tầm tư liệu và viết một đoạn ngắn về đóng góp của một trong những danh nhân tiêu biểu ở Việt Nam.
4. Thiết kế áp phích/ tập san/ băng hình để giới thiệu với thầy cô và bạn học về một danh nhân tiêu biểu ở địa phương em.

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

	Thuật ngữ	Trang
B	**Bạch vệ**: các lực lượng chính trị, quân sự Nga chống đối những người cộng sản Bôn-sê-vích và chính quyền vô sản trong những năm 1918 – 1923.	33
C	**Chiến tranh lạnh**: cuộc đối đầu giữa hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong lịch sử thế giới từ năm 1947 đến năm 1989.	27, 36,37,38,39, 40,41,42,43,45
	Cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ: các chiến dịch quân sự do Mỹ và đồng minh tiến hành sau sự kiện ngày 11-9-2001 nhằm tiêu diệt các tổ chức khủng bố và can thiệp vào các quốc gia được cho là có liên hệ với các tổ chức khủng bố.	42
D	**Đại hội Hoà bình Thế giới**: sự kiện quốc tế được tổ chức ngày 25-4-1949 tại thành phố Pa-ri (Pháp) nhằm ủng hộ tinh thần yêu chuộng hoà bình, chống chiến tranh và chạy đua vũ trang.	43,44
	Đồng minh: mặt trận liên minh chính trị, quân sự quốc tế được thành lập trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đứng đầu là Mỹ, Liên Xô, Anh, Pháp,... nhằm chống lại phe Trục phát xít.	34,35,36,42,45
H	**Hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn**: trật tự quốc tế được xác lập sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất dựa trên các văn kiện ngoại giao được kí kết tại Hội nghị Véc-xai (Pháp) và Hội nghị Oa-sinh-tơn (Mỹ).	34
	Hoà ước Brét-Li-tốp: Hiệp ước đình chiến kí ngày 3-3-1918 giữa chính quyền Bôn-sê-vích (Nga) và phe Liên minh trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đứng đầu là Đức, nhằm đưa nước Nga ra khỏi cuộc chiến tranh.	33
	Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV): tổ chức hợp tác kinh tế của các quốc gia thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, tồn tại trong giai đoạn 1949 – 1991.	37
	Hội Quốc Liên: tổ chức quốc tế duy trì hoà bình và an ninh thế giới được các cường quốc Âu – Mỹ thành lập sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.	34

K	**Kế hoạch Mác-san**: còn có tên là Kế hoạch Phục hưng châu Âu, là kế hoạch của Mỹ nhằm cung cấp viện trợ cho các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, được triển khai từ tháng 7-1947.	37
M	**Mặt trận nhân dân chống phát xít**: cuộc vận động chính trị, quân sự của các lực lượng tiến bộ và nhân dân thế giới nhằm tổ chức các phong trào chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.	27,33,34,35
N	**Nhà nước Hồi giáo (IS)**: tổ chức quân sự Hồi giáo tự xưng thành lập năm 1999, hoạt động trên lãnh thổ I-rắc và Xi-ri-a.	42
P	**Khối Liên minh**: liên minh quân sự của các nước đế quốc châu Âu lập năm 1882 gồm ba cường quốc là Đức, Áo - Hung và I-ta-li-a.	28
	Phe phát xít: còn gọi là phe Trục, hay Trục Rô-ma – Béc-lin – Tô-ky-ô, là liên minh chính trị, quân sự do Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đứng đầu nhằm mục tiêu tiến hành chiến tranh phân chia ảnh hưởng thế giới.	28,30,35
Q	**Quốc tế Cộng sản**: còn gọi là Quốc tế thứ ba, viết tắt là COMINTERN, là tổ chức quốc tế của những người cộng sản thành lập năm 1919 tại Mát-xcơ-va, tồn tại đến năm 1943.	33,34
S	**Sự kiện ngày 11-9**: sự kiện tấn công khủng bố do tổ chức An Kê-đa tiến hành nhằm vào nước Mỹ ngày 11-9-2001.	42
T	**Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương**: viết tắt NATO, là tổ chức liên minh quân sự do Mỹ lập ra ở châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhằm bao vây, cô lập Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.	37
	Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á: viết tắt SEATO, là liên minh quân sự do Mỹ lập ra vào năm 1954 ở vùng châu Á – Thái Bình Dương nhằm ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á.	37

BẢNG TRA CỨU ĐỊA DANH/ TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Địa danh/ tên riêng (phiên âm)	Địa danh/ tên riêng (tên nước ngoài)	Trang
An-ba-ni	Albania	1
An Kê-đa	Al Qaeda	42
Áp-ga-ni-xtan	Afghanistan	38, 42, 45
Ba-đen	Baden	43
Ban-căng	Balkans	41, 45
Béc-lin	Berlin	31, 37, 39
Brét – Li-tốp	Brest-Litovsk	33, 63
Bốt-xni-a	Bosnia	41
Bốt-xni-a và Hê-sê-gô-vi-na	Bosnia and Herzegovina	41
Cô-oét	Kuwait	41
Đa-nốp	Zhdanov	37
Đa-vít King	David King	34
Đờ Gôn	De Gaulle	35
Đu-a-môn Ót-sua-ry	Douaumont Ossuary	29
G. Bút-sơ	G. Bush	39
G. Đi-mi-tơ-rốp	G. Dimitrov	31
F. Phốc	F. Foch	34
Giôn Lê-vít	Jon Lewis	29
Hen-xin-ki	Helsimki	44
Hít-le	Hitle	30
I-ta-li-a	Italia	28, 30, 34, 35, 36, 37
I-rắc	Iraq	41, 42, 45
I-xra-en	Israel	51

Ken Xơ-tây	Kent State	45
Kô-sô-vô	Kosovo	41
Lê-ông Bơ-lum	Leon Blum	35
Li-bi	Libya	42
Luân Đôn	London	32, 45
M. Goóc-ba-chốp	M. Gorbachev	39, 40
Mác-san	Marshall	37
Man-ta	Malta	33
Mát-xcơ-va	Moscow	33
Mút-xô-li-ni	Mussolini	35
Oa-sinh-tơn	Washington	30, 34
Ô-sa-ma bin La-đen	Osama bin Laden	42
Pa-ki-xtan	Pakistan	42
Pa-le-xtin	Palestine	45
Phơ-răng-cô	Franco	35
Phơ-ranh Phớt	Franfurk	44
Sát-đam Hút-xen	Saddam Hussein	41, 42
Tơ-ru-man	Truman	37
Véc-xai	Versailles	30, 34
Xéc-bi	Serbi	28, 41
Xéc-bi-a và Môn-te-nơ-grô	Serbia and Montenegro	41
Xta-lin-grát	Stalingrad	42
Xuy-đét	Sudet	30
I-an-ta	Yalta	32

MỤC LỤC

	Trang
Hướng dẫn sử dụng sách	2
Lời nói đầu	3
Chuyên đề 1. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	4
I. Nghệ thuật thời Lý – Trần	5
II. Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc	10
III. Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn	16
Chuyên đề 2. Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	27
I. Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX	28
II. Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay	36
Chuyên đề 3. Danh nhân trong lịch sử Việt Nam	47
I. Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc	47
II. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời kì trung đại	48
III. Một số danh nhân quân sự Việt Nam	51
IV. Một số danh nhân văn hoá Việt Nam	55
V. Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo	59
Bảng giải thích thuật ngữ	63
Bảng tra cứu địa danh / tên riêng nước ngoài	65

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGƯT NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:

LÊ XUÂN THỊNH

Thiết kế sách:

NGUYỄN NGỌC NAM – NGUYỄN PHƯƠNG ANH

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM – NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in:

TRẦN THỊ NGÂN

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả!

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 11

Mã số: .....

ISBN: .....

In ....., khổ 19 x 26,5cm, tại .....

Địa chỉ: .....

Số xác nhận đăng kí xuất bản: .....

Quyết định xuất bản số: .....

In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 20...